

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2025 (ĐỢT 3)
từ ngày 18/8 đến 29/8. Cập nhật đến 8h00 ngày 29/8/2025

Thời gian nhập học đợt 3: từ 8h00 từ ngày 08/9/2025 đến 19/9/2025 (cả ngày)

Thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển nhưng không nhận được giấy báo trúng tuyển VẪN đến nhập học bình thường hoặc liên hệ 0888.811.980 để được cấp lại giấy báo trúng tuyển;

Thí sinh đã trúng tuyển đợt 1 và đợt 2 nhưng chưa đến nhập học thì vẫn được đến nhập học đợt 3

Mã HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu	Thí sinh chọn 2 trong 6 môn sau						Tổng điểm 2 môn XT	Điểm ưu tiên		Điểm XT
					Toán	Văn	Ngoại ngữ	Sinh học	Hóa học	Vật lý		KV	ĐT	
I	Ngành Dược													
D557	MÃ NGỌC ANH	Nữ	07/10/2007	TP TUYÊN QUANG, TUYÊN QUANG		6.3	6.6				12.9	0.75	0	13.65
D558	ĐÌNH THỊ HUỆ	Nữ	30/05/2007	XÃ PHÚ SƠN, NINH BÌNH					7.6	7.8	15.4	0.75	0	16.15
D559	MAI THỊ ÁNH	Nữ	05/11/2005	XUÂN TIẾN, NAM ĐỊNH		8.2				7.8	16	0.5	0	16.5
D560	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Nữ	02/04/2007	QUẢNG PHÚ, THANH HOÁ	7.9		8.3				16.2	0.25	0	16.45
D561	NGUYỄN VIỆT TÂM	Nam	10/11/2007	HOẰNG TRƯỜNG, HOẰNG HOÁ, THANH HOÁ	8.2					8.3	16.5	0.25	0	16.75
D562	NGUYỄN ĐỨC HÙNG ANH	Nam	04/03/2005	HOÀ CHÍNH, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.7			8.3			17	0.25	0	17.25

D563	TRẦN THỊ VÂN ANH	Nữ	22/06/2005	QUẢNG PHÚ CẦU, ỨNG HOÀ, HÀ NỘI		8.6		8.6			17.2	0.25	0	17.45
D564	KHUẤT THANH NGÀ	Nữ	27/07/2001	THẠCH THẤT, HÀ NỘI	7.9				7.7		15.6	0	0	15.6
D565	ĐOÀN MINH KHANG	Nam	03/12/2007	DƯƠNG NỘI, HÀ NỘI	8					9	17	0	0	17
D566	TRẦN BẢO NHI	Nữ	03/12/2007	XÃ KHÁNH THƯỢNG, HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI			8.2	9			17.2	0.75	0	17.95
D567	CHU THỊ NGỌC OANH	Nữ	26/08/2007	XÃ ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	9.1				9.1		18.2	0.25	0	18.45
D568	VŨ THỊ NGÂN	Nữ	27/10/2007	BÌNH NGHĨA, BÌNH LỤC, HÀ NAM	7.9					7.6	15.5	0.5	0	16
D569	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	23/10/2006	THANH TRÌ, HÀ NỘI				8.6	8		16.6	0.25	0	16.85
D571	ĐINH NGUYỄN MINH ANH	Nữ	05/04/2004	XÃ YÊN TRUNG, HÀ NỘI	8.1			8.3			16.4	0.25	0	16.65
D572	BÙI THỊ THẢO MY	Nữ	03/11/2007	XÃ MƯỜNG VANG, PHÚ THỌ	7.6	6.9					14.5	0.75	0	15.25
D573	ĐÀO QUỲNH HƯƠNG	Nữ	24/04/2007	XÃ KHA SƠN, HUYỆN PHÚ BÌNH, THÁI NGUYÊN	8.4			8.3			16.7	0.75	0	17.45
D574	BÙI THỊ HÀ MY	Nữ	10/12/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.1				8.1		16.2	0.25	0	16.45
D575	HOÀNG NHƯ DỊU	Nữ	20/12/2007	XÃ CHIỀNG KHƯƠNG, SƠN LA		8		8			16	0.75	0	16.75
D576	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Nữ	18/05/2007	XÃ TẢO DƯƠNG VĂN, HÀ NỘI	9					8.8	17.8	0.25	0	18.05
D577	VŨ THỊ VI	Nữ	27/08/2007	THỊ TRẤN CỔ LỄ HUYỆN TRỰC NINH NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH	8					8	16	0.5	0	16.5
D578	NGUYỄN TIẾN BÌNH	Nam	05/08/2007	NGỌ XÁ,XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.2	8.6					16.8	0.25	0	17.05

D579	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	11/07/2001	TRẦN PHÚ, HẢI DƯƠNG	7.3					8.2	15.5	0.5	0	16
D580	NGUYỄN THỊ THUỶ NGÀ	Nữ	13/03/2007	IABOONG, GIA LAI	7.8					6.5	14.3	0.5	0	14.8
D581	ĐẶNG HUYỀN CHÂM	Nữ	10/10/2007	XÃ QUẢNG PHÚ CẦU, HÀ NỘI	8.1	8.5					16.6	0.25	0	16.85
D582	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	29/07/2007	TAM HỒNG, VĨNH PHÚC				6.9	7		13.9	0.5	0	14.4
D583	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	31/10/2007	XÃ NGỌC MỸ, HÀ NỘI		8.3	7.6				15.9	0.25	0	16.15
D584	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	03/03/2007	XÃ PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI				8.6	9.1		17.7	0.25	0	17.95
D585	BÙI BẢO NHI	Nữ	23/10/2007	TÂN QUANG, VĂN LÂM, HƯNG YÊN	9.3			8.5			17.8	0.5	0	18.3
D586	ĐỖ THẢO NGUYÊN	Nữ	29/09/2007	SÔNG MÃ, SƠN LA	8.1				8.8		16.9	0.75	0	17.65
D587	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/02/2007	BẮT BẠT, HÀ NỘI		8.2				8.4	16.6	0.25	0	16.85
D588	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	18/11/2007	DÂN HOÀ, HÀ NỘI	8.9	7.9					16.8	0.25	0	17.05
D589	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/08/2007	PHƯƠNG ĐƯƠNG HẠO - THỊ XÁ MỸ Hào - TỈNH HƯNG YÊN, HƯNG YÊN					8.5	8.5	17	0.25	0	17.25
D591	LỘC THỊ THU HƯỜNG	Nữ	27/11/2007	BẠCH THÔNG, BẮC KẠN		6.6			5.9		12.5	0.75	0	13.25
D594	ĐỒNG THỊ THẢO ANH	Nữ	31/10/2007	XÃ PHONG DỤ HẠ, YÊN BÁI					8.1	7.2	15.3	0.75	0	16.05
D595	NGUYỄN PHÙNG DOÃN SƠN	Nam	10/09/2007	PHÚ CÁT, HÀ NỘI	8.7				8.6		17.3	0.25	0	17.55
D596	NGUYỄN ĐỨC LÂM	Nam	16/12/2007	YÊN BÁI, LÀO CAI				7.6		7.4	15	0.25	0	15.25

D597	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	Nữ	23/12/2007	XÃ VẬT LẠI, HÀ NỘI	8.1			8.8			16.9	0.25	0	17.15
D598	VŨ YẾN LINH	Nữ	23/09/2007	ĐỒNG TÂN, LẠNG SƠN	8.1					8	16.1	0.75	0	16.85
D599	TRẦN THÙY TRANG	Nữ	20/12/2007	VÂN NHAM, LẠNG SƠN	8.1			8.2			16.3	0.75	0	17.05
D600	ĐỖ THỊ THU HƯỜNG	Nữ	02/04/2007	XÃ YÊN LĂNG, HÀ NỘI	7.7	6.8					14.5	0	0	14.5
D602	ĐỖ THỊ THU HOÀN	Nữ	29/03/2007	XÃ VẬT LẠI, HÀ NỘI	8.7				7.9		16.6	0.25	0	16.85
D603	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	21/05/2007	PHƯỜNG YÊN SƠN, NINH BÌNH	7.3	7.5					14.8	0.25	0	15.05
D604	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	28/09/2007	THỊ TRẤN THIẾU HOÁ, THANH HOÁ	7.9	7.6					15.5	0.25	0	15.75
D605	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	28/11/2007	BA VÌ, HÀ NỘI		8.1				8	16.1	0.75	0	16.85
D606	CAO THỊ TUYẾT	Nữ	14/07/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI				8.6	8.9		17.5	0.25	0	17.75
D607	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG GIANG	Nữ	09/10/2007	XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	8.3	8.5					16.8	0.25	0	17.05
D608	NGUYỄN ĐÌNH NAM	Nam	28/06/2007	LIÊN SƠN, PHÚ THỌ	7				8		15	0.75	0	15.75
D609	HOÀNG DIỆU THÙY LINH	Nữ	27/05/2007	XÃ DÂN HÒA, HÀ NỘI	8.1	8.1					16.2	0.5	0	16.7
D610	NGÔ THẢO VY	Nữ	05/08/2007	PHƯỜNG PHƯƠNG LÂM, THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH	7.6	8.1					15.7	0.5	0	16.2
D611	TRẦN THẢO UYÊN	Nữ	12/05/2007	MÔNG SƠN, YÊN BÁI	8.3					7.9	16.2	0.75	0	16.95
D612	NÙNG THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	02/11/2007	XÃ THAN UYÊN, LAI CHÂU		6.3				8.1	14.4	0.75	0	15.15

D613	GIANG THU TRÀ	Nữ	24/06/2007	XÃ CAM THƯỢNG - BA VÌ, HÀ NỘI		8.7	9.5				18.2	0.25	0	18.45
D614	CHU THỊ TUYẾT DUNG	Nữ	17/06/2007	THÔN YÊN BỒ - XÃ VẬT LẠI - HUYỆN BÀ VÌ, HÀ NỘI	9.2	8.6					17.8	0.5	0	18.3
D615	KIỀU THỊ QUỲNH ANH	Nữ	15/04/2007	XÃ HẠ BẰNG, HÀ NỘI	8	8.2					16.2	0.75	0	16.95
D616	HOÀNG THỊ TƯỜNG VI	Nữ	10/08/2007	LÊ THANH, MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	7.4	7.6					15	0.25	0	15.25
D617	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	02/03/2007	XÃ HOÀN LONG, HƯNG YÊN	8.6			8.2			16.8	0.5	0	17.3
D618	NGUYỄN ĐĂNG VÂN ANH	Nữ	28/02/2007	XÃ HƯNG ĐẠO, HÀ NỘI	8.8	8.1					16.9	0.25	0	17.15
D619	HOÀNG THỊ HẠNH	Nữ	15/05/2007	THÙ SƠN HỢP THỊNH, BẮC GIANG	8.4		8				16.4	0.5	0	16.9
D620	NGUYỄN HOÀNG YẾN NHI	Nữ	01/06/2007	PHÙ VÂN PHỦ LÝ, HÀ NAM	8.1	7.8					15.9	0.25	0	16.15
D621	TRẦN THỊ YẾN	Nữ	25/05/2007	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI	8	8.9					16.9	0.25	0	17.15
D622	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	12/04/2007	XÃ PHẠM HỒNG THÁI, HƯNG YÊN		6.8		7.4			14.2	0.5	0	14.7
D623	BÙI THỊ HUYỀN	Nữ	15/01/2007	HÙNG SƠN, HÒA BÌNH		8.7		7.8			16.5	0.75	0	17.25
D624	BÙI THỊ THU HIỀN	Nữ	18/10/2007	XÃ XUÂN THỦY, HÒA BÌNH		7.3		7.5			14.8	0.75	0	15.55
D625	TRẦN THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	12/06/2007	HOÀ BÌNH -THƯỜNG TÍN - HÀ NỘI, HÀ NỘI	7.6	8.3					15.9	0.25	0	16.15
D626	CHU NGỌC ÁNH	Nữ	03/11/2007	YÊN THUỶ, PHÚ THỌ	7.8				8.1		15.9	0.75	0	16.65
D627	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	09/11/2007	XÃ LÃNG CÔNG, SÔNG LÔ, VĨNH PHÚC		6.8			6.8		13.6	0.5	0	14.1

D628	NGUYỄN THỊ THUÝ	Nữ	25/05/2007	XÃ QUẢNG BỊ ,HOÀNG DIỆU ,HÀ NỘI	9.5	8.2					17.7	0.75	0	18.45
D629	NGUYỄN THỊ THUÝ	Nữ	09/09/2007	XÃ THỌ XƯƠNG, HUYỆN THỌ XUÂN, THANH HOÁ	8			8.6			16.6	0.5	0	17.1
D630	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	28/11/2007	XÃ XUÂN SƠN, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0.25	0	17.15
D631	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	01/08/2007	XÃ Ô DIỄN, HÀ NỘI		8.4			8.6		17	0.25	0	17.25
D632	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	10/12/2007	THANH MAI , THANH OAI, HÀ NỘI	8.1	7.5					15.6	0.25	0	15.85
D633	HOÀNG LAN ANH	Nữ	02/07/2006	THỊ TRẤN VĂN ĐIỂN, HÀ NỘI	8.5			8.8			17.3	0.25	0	17.55
D634	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	08/10/2007	HOÀ SƠN-LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH			6.6	8.1			14.7	0.75	0	15.45
D635	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	31/01/2007	XÃ MÔNG SƠN, YÊN BÁI	8.1		7.8				15.9	0.75	0	16.65
D636	TRỊNH THỊ OANH	Nữ	15/04/2007	LAM SƠN, THANH HOÁ	9.3	8.5					17.8	0.5	0	18.3
D637	HOÀNG MINH THÚY	Nữ	30/05/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	8.4	8.2					16.6	0.25	0	16.85
D638	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	Nữ	13/04/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9		8.7				17.7	0.25	0	17.95
D639	KHƯƠNG YẾN NHI	Nữ	05/10/2007	PHỦ LÝ, NINH BÌNH		7.8	8.6				16.4	0.25	0	16.65
D640	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	11/12/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					8.7	8.6	17.3	0	0	17.3
D641	NGUYỄN PHÚC TIẾN	Nam	08/04/2005	ỨNG HÒA, HÀ NỘI				9.4		8.8	18.2	0	0	18.2
D642	ĐÀO THỊ HẬU	Nữ	08/08/2007	CAO VIÊN, THANH OAI, HÀ NỘI, HÀ NỘI				8.9	8.5		17.4	0.25	0	17.65

D643	NGUYỄN TRẦN THẾ KHẢI	Nam	05/12/2007	XÃ YÊN MINH, TỈNH TUYÊN QUANG	7			7.3			14.3	0.75	0	15.05
D644	NGUYỄN NGÂN THẢO	Nữ	03/05/2007	XÃ HỒNG VÂN, HÀ NỘI		8.7		8.9			17.6	0.25	0	17.85
D645	BÙI TRÀ MY	Nữ	09/02/2007	PHƯỜNG MINH KHAI THÀNH PHỐ HÀ GIANG		8.4				8.1	16.5	0.75	0	17.25
D646	VŨ THỊ DUNG	Nữ	22/12/2007	XÃ QUỲNH LƯU , NGHỆ AN	7.6	8.7					16.3	0.25	0	16.55
D647	LÊ MAI HƯƠNG	Nữ	26/11/2007	XÃ HỢP TIẾN , HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.4		8.8				17.2	0.25	0	17.45
D648	LÊ THỊ TRÀ GIANG	Nữ	22/07/2007	LIÊM TÚC, THANH LIÊM, HÀ NAM		7.7	7.1				14.8	0.5	0	15.3
D649	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	17/10/2007	XÃ SÔNG MÃ, SƠN LA	7.9				8.5		16.4	0.75	0	17.15
D650	TRẦN QUANG VINH	Nam	08/06/2007	THỊ TRẤN VÂN DU ,HUYỆN THẠCH THÀNH, THANH HOÁ	7.8	7.5					15.3	0.75	0	16.05
D651	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	17/09/2007	XÃ LÂM SƠN HUYỆN LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH	6.6	7.3					13.9	0.75	0	14.65
D652	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG BẢO	Nữ	18/12/2007	THỊ TRẤN LIÊN QUAN,THẠCH THẮT,HÀ NỘI, HÀ NỘI	7.7	7.9					15.6	0.75	0	16.35
D653	TRẦN BẢO TRÂM	Nữ	11/08/2007	XÓM 14 THÔN VIỆT HÙNG XÃ HƯNG PHÚ, HƯNG YÊN	8.2				8.4		16.6	0.75	0	17.35
D654	NGUY THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	31/01/2007	MÔNG SƠN, YÊN BÁI	8.1		7.8				15.9	0.75	0	16.65
D655	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	12/12/2007	XÃ ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	7.8	7.8					15.6	0.25	0	15.85
D656	NGUYỄN THU LIỄU	Nữ	20/01/2007	HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH	7.2	8.6					15.8	0.5	0	16.3
D657	NGUY HỒNG ÁNH	Nữ	02/02/2006	XÃ CƯỜNG THỊNH, YÊN BÁI	8.1			8.3			16.4	0.5	0	16.9

D658	TÔ THỊ VÂN ANH	Nữ	12/07/2007	TIỀN HOA, HƯNG YÊN				8.9	8.9		17.8	0.25	0	18.05
D659	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	01/10/2007	XÃ TỀ LỖ (ĐỒNG VĂN CŨ), VĨNH PHÚC	8				8.3		16.3	0.5	0	16.8
D660	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	03/06/2007	TP.HẠ LONG, QUẢNG NINH				8	8.4		16.4	0.25	0	16.65
D661	TRƯƠNG THỊ LINH CHI	Nữ	01/08/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI		8.3			8.5		16.8	0.25	0	17.05
D662	TRẦN THỊ ANH THƯ	Nữ	21/11/2005	HUYỆN BÌNH LỤC (NAY LÀ XÃ BÌNH AN TỈNH NINH BÌNH)	9					7.5	16.5	0.5	0	17
D663	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/11/2007	XÃ PHƯỢNG DỰC , TP HÀ NỘI	8.4	8.3					16.7	0.25	0	16.95
D664	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	Nữ	09/07/2007	PHÚ XUYÊN, HÀ NỘI		9	8.2				17.2	0.25	0	17.45
D665	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	29/12/2007	THỊ XÃ PHÚ THỌ, PHÚ THỌ	6.8		8.1				14.9	0.25	0	15.15
D666	NGUYỄN THỊ MY	Nữ	09/09/2007	TRUNG HOÀ, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.3			8.5			16.8	0.25	0	17.05
D667	BÙI KIỀU THANH	Nữ	29/12/2007	XÃ TRƯỜNG YÊN, HÀ NỘI	8.5	8.3					16.8	0	0	16.8
D668	HÀ TUẤN TÚ	Nam	11/07/2007	XÃ HỒNG SƠN, HÀ NỘI		8.5	8.6				17.1	0.25	0	17.35
D669	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	11/05/2007	VẠN XUÂN, PHÚ THỌ		7.5	6.2				13.7	0.5	0	14.2
D670	LƯU KHÁNH LY	Nữ	09/10/2007	XÃ NGỌC TẢO, HÀ NỘI		7.7			8.7		16.4	0.25	0	16.65
D671	LÊ THANH HUYỀN	Nữ	23/06/2007	HỒNG HÀ, HÀ NỘI		8.7			8		16.7	0	0	16.7
D672	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/03/2007	PHÙ ĐỔNG, HÀ NỘI			9		9.3		18.3	0.75	0	19.05

D673	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	07/11/2006	THÔN CAO MẬT HẠ, XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI				9.2	9.4		18.6	0	0	18.6
D672	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/03/2007	PHÙ ĐỔNG, HÀ NỘI			9		9.3		18.3	0.75	2	21.05
D673	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	07/11/2006	THÔN CAO MẬT HẠ, XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI				9.2	9.4		18.6	0	0	18.6
D674	LÊ THỊ THÚY	Nữ	15/07/2007	XÃ NHO QUAN, NINH BÌNH		7.1				6.8	13.9	0.5	0	14.4
D675	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	26/02/2007	XÃ Ô DIÊN, HÀ NỘI		8.2			8.9		17.1	0.25	0	17.35
D676	DƯƠNG NGỌC HUYỀN	Nữ	27/01/2007	HUYỆN TIÊN LŨ, HƯNG YÊN	9.7					9.8	19.5	0.5	0	20
D677	ĐỖ THỊ HỒNG THƯƠNG	Nữ	05/10/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.6	8.8				17.4	0.25	0	17.65
D678	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Nữ	25/08/2007	PHƯỜNG KỲ SƠN, PHÚ THỌ	8.1		8.1				16.2	0.75	0	16.95
D680	NGUYỄN THỊ KHÁNH VI	Nữ	06/06/2007	XÃ HƯNG LỘC, THANH HOÁ	8.5	8.4					16.9	0.5	0	17.4
D681	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	10/12/2007	XÃ BÌNH DƯƠNG-HUYỆN VĨNH TƯỜNG-TỈNH VĨNH PHÚC	7.1	7					14.1	0.5	0	14.6
D682	PHẠM THANH TỈNH	Nam	23/12/2006	XÃ KHÁNH TRUNG, YÊN KHÁNH, NINH BÌNH		6.3	6.4				12.7	0.5	0	13.2
D683	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	02/05/2007	ĐẠI THANH, HÀ NỘI	8.2	7.9					16.1	0.25	0	16.35
D684	NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	17/08/2007	PHƯỜNG VÂN SƠN, SƠN LA			6.4			7.8	14.2	0.75	0	14.95
D685	TRẦN THỊ THU UYÊN	Nữ	23/04/2007	TRẦN PHÚ, HÀ NỘI	8.9	8.9					17.8	0.25	0	18.05
D686	VÀNG THỊ SINH	Nữ	13/06/2005	XÃ PU NHI, ĐIỆN BIÊN	8	7.9					15.9	0.75	2	18.65

D687	TRẦN YẾN TRANG	Nữ	13/07/2007	XÃ VĂN BÌNH, HÀ NỘI	8.9		9.1				18	0.25	0	18.25
D688	ĐẶNG HỒNG NHUNG	Nữ	10/03/2007	X XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM	6.9	7					13.9	0.25	0	14.15
D690	LÊ THI TRANG	Nữ	02/11/2007	XÃ THỌ XƯƠNG, THANH HOÁ	7	8.6					15.6	0.5	0	16.1
D691	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	21/09/2007	XÃ MƯỜNG LÁ, TỈNH THANH HOÁ	8.4		9				17.4	0.75	2	20.15
D692	BÙI TÂM NHI	Nữ	10/12/2007	XÃ QUỲNH TRANG, THÁI BÌNH	6.4	6.8					13.2	0	0	13.2
D693	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	Nữ	20/11/2007	LẠC THUỶ, HÒA BÌNH			5.9		6.2		12.1	0.75	0	12.85
D694	HOÀNG MAI ANH	Nữ	17/05/2007	XÃ Ý YÊN, NINH BÌNH		8.2				8	16.2	0.5	0	16.7
D695	BÙI HỒNG NHUNG	Nữ	14/05/2007	AN NGHĨA, PHÚ THỌ	6.6				7.1		13.7	0.75	0	14.45
D696	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	21/02/2007	THANH OAI, HÀ NỘI		8.5		8.7			17.2	0.25	0	17.45
D697	NGUYỄN VĂN THIẾT	Nam	04/05/2007	QUỲNH LƯU, NGHỆ AN		8.5		8.3			16.8	0.75	0	17.55
D698	NGOI THANH MAI	Nữ	05/02/2007	XÃ THANH LƯỢNG, BẮC GIANG	8.6				8		16.6	0.75	0	17.35
D700	NGUYỄN THỊ GIANG	Nữ	08/04/2007	XÃ BÌNH AN, HÀ TĨNH	7.5					8.1	15.6	0.25	0	15.85
D701	ĐÌNH THỊ KIM DUNG	Nữ	01/04/2007	XÃ GIAO THIỆN, NAM ĐỊNH	8.1	8.2					16.3	0.25	0	16.55
D702	NGUYỄN BẢO NHI	Nữ	12/08/2007	THƯƠNG TÍN, HÀ NỘI			8.3			8.7	17	0.25	0	17.25
D703	HÀ THỊ LUYẾN	Nữ	10/11/2007	XÃ QUẢNG BỊ, HÀ NỘI	9.3	8.4					17.7	0.25	0	17.95

D704	LÊ THỊ HỒNG	Nữ	28/08/2025	ĐẠI XUYỀN, HÀ NỘI				9.1	9.5		18.6	0.25	0	18.85
D705	NGUYỄN ĐỨC HUY HOÀNG	Nam	02/01/2007	HƯNG NGUYỄN, NGHỆ AN		7.2			8.4		15.6	0.5	0	16.1
D706	LÊ NGỌC HƯNG	Nam	27/08/2005	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	7.2					7.3	14.5	0.25	0	14.75
D707	HOÀNG TIẾN ĐỨC	Nam	06/03/2007	XÃ LIÊN SƠN, PHÚ THỌ	9.2					8.9	18.1	0.75	0	18.85
D708	MAI THỊ BẢO CHÂM	Nữ	13/11/2007	XÃ KIM NỖ , HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI		7.4				7.2	14.6	0.25	0	14.85
D709	LÝ NGỌC ANH	Nữ	14/06/2007	XUÂN LA TÂY HỒ, HÀ NỘI	8.3	8.2					16.5	0	0	16.5
D710	CÁT VĂN THĂNG	Nam	11/05/2005	NHÂN THẮNG, BẮC NINH	8.7				7.5		16.2	0.5	0	16.7
D711	LÊ THU HƯƠNG	Nữ	09/08/2007	XÃ QUẢNG OAI- THÀNH PHỐ HÀ NỘI		8.4		8			16.4	0.25	0	16.65
D712	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	22/12/2007	XÃ ĐỒNG PHÚ - CHƯƠNG MỸ- HÀ NỘI, HÀ NỘI				9.6	9.1		18.7	0.25	2	20.95
D713	VƯƠNG THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	01/03/2006	THỊ XÃ THUẬN THÀNH-THUẬN THÀNH-BẮC NINH, BẮC NINH	7.2	7.4					14.6	0.5	0	15.1
D714	PHẠM GIA LINH	Nữ	09/12/2007	TDP NAM SƠN, THANH HOÁ	7.8	7.7					15.5	0.75	0	16.25
D715	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	02/02/2007	XÃ PHƯỢNG DỰC, HÀ NỘI		8.7	8.5				17.2	0.25	0	17.45
II	Ngành Điều dưỡng và (Điều dưỡng Nhật, Điều dưỡng Đức)													
DD1164	LÊ MINH ANH	Nữ	24/11/2007	THÀNH PHỐ BẮC GIANG, BẮC GIANG				8.2	8.2		16.4	0.25	0	16.65
DD1165	DOÃN ĐÌNH NGỌC ANH	Nữ	12/12/2007	PHƯỢNG DỰC, PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	8.5	8.7					17.2	0.25	0	17.45

DD1166	NÔNG THỊ LIỄU	Nữ	15/11/2007	TRẦN YÊN, YÊN BÁI		7				7.3	14.3	0.75	0	15.05
DD1167	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	15/09/2007	NHO QUAN, NINH BÌNH	6.4					7.2	13.6	0.75	0	14.35
DD1168	NGUYỄN HÀ ANH	Nữ	02/03/2007	AN BÌNH, THUẬN THÀNH, BẮC NINH		8.2		8.2			16.4	0.5	0	16.9
DD1169	PHẠM DUY BẢO	Nam	30/05/2004	BẾN CẦU, TÂY NINH	7.4			7			14.4	0.5	0	14.9
DD1170	PHẠM HỒNG PHÚC	Nam	13/07/2007	ĐẠI THANH, HÀ NỘI	9.5	8.3					17.8	0	0	17.8
DD1171	TRẦN VĂN QUÝ	Nam	26/12/2006	TRƯỜNG YÊN, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI					9.1	9	18.1	0.25	0	18.35
DD1172	NGUYỄN THỊ YẾN NGỌC	Nữ	21/12/2007	PHÚ XUYÊN, HÀ NỘI		7.8	8.2				16	0.25	0	16.25
DD1173	NGUYỄN THỊ MAI TRÚC	Nữ	13/11/2007	HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	7.1	7.9					15	0.25	0	15.25
DD1174	NGUYỄN PHƯƠNG BÍCH HẰNG	Nữ	03/03/1990	THỐNG NHẤT, ĐỒNG NAI	8.3	6.9					15.2	0.5	0	15.7
DD1176	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	16/09/2007	THỊ TRẦN CHỜ, YÊN PHONG, BẮC NINH				7.9		7.8	15.7	0.5	0	16.2
DD1177	VŨ THÙY DUNG	Nữ	16/02/2007	THÁC BÀ, LÀO CAI		6.9		7.5			14.4	0.75	0	15.15
DD1178	ĐỖ THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	11/04/2007	CHÍ TIỀN, PHÚ THỌ				7.8	7.3		15.1	0.5	0	15.6
DD1179	NGUYỄN NGỌC NINH	Nam	08/01/2006	BẮC TRẠCH, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH					6.3	6.4	12.7	0.5	0	13.2
DD1180	NGUYỄN THỊ KIM NHUNG	Nữ	04/09/2005	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.3		9.4	18.7	0.25	0	18.95
DD1181	HÀ YẾN NHI	Nữ	25/12/2007	XÃ MẬU DUỆ, HÀ GIANG	6.7	6.8					13.5	0.75	0	14.25

DD1182	TRẦN ĐỖ THU NGUYỆT	Nữ	10/07/2007	VĂN CHẤN, LÀO CAI	8	7.8					15.8	0.75	0	16.55
DD1183	HOÀNG THANH PHÙNG	Nam	13/10/2007	TÂN AN, TÂN KỲ, NGHỆ AN				7.5	8		15.5	0.75	0	16.25
DD1184	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	14/08/2006	VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.3	7.9					16.2	0.25	0	16.45
DD1185	ĐẶNG NGỌC LAM	Nam	10/08/2007	QUỲNH HOA, QUỲNH LƯU, NGHỆ AN				8.8		8.9	17.7	0.5	0	18.2
DD1186	TRẦN THUÝ HIỀN	Nữ	30/04/2007	TP. VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ		7.2	8.3				15.5	0.25	0	15.75
DD1188	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	12/05/2006	BẮC TRẠCH, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH				7	7.5		14.5	0.5	0	15
DD1189	DƯƠNG NGỌC DŨNG	Nam	13/11/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.5			8.4	16.9	0.25	0	17.15
DD1190	CHU THỊ THUÝ HẰNG	Nữ	01/07/2007	XÃ VẬT LẠI, HÀ NỘI			7.9	9.5			17.4	0.75	0	18.15
DD1191	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	Nữ	16/01/2007	TỬ DU, VINH PHÚC		7.7	8.3				16	0.5	0	16.5
DD1192	LƯƠNG KHÁNH LY	Nữ	21/10/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.8		8.7			17.5	0.25	0	17.75
DD1193	ĐÀM TRUNG HIẾU	Nam	08/06/2007	PHÚ LÃM, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI					9.4	9	18.4	0.25	0	18.65
DD1194	PHẠM HỒNG QUÂN	Nam	30/05/2007	TP. NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH	8.5					8.3	16.8	0.25	0	17.05
DD1195	NGUYỄN VĂN ĐẠT	Nam	17/09/2007	THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH	8.4	8.5					16.9	0.25	0	17.15
DD1196	PHÙNG VĂN KIÊN	Nam	23/05/2007	XÃ VẬT LẠI, HUYỆN BA VÌ, HÀ NỘI	9.3	8.5					17.8	0.25	0	18.05
DD1197	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	17/06/2007	QUỲNH KHÊ, THÁI BÌNH	7.5	7.8					15.3	0.5	0	15.8

DD1198	NGUYỄN VĂN HỮU	Nam	12/05/2006	BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH		5.6			6.8		12.4	0	0	12.4
DD1199	NGUYỄN TỔ UYÊN	Nữ	01/10/2007	XÃ QUẢNG CHÂU, HƯNG YÊN	8.5		8.3				16.8	0.25	0	17.05
DD1200	HÀ YẾN NHI	Nữ	02/08/2007	PHÙ YÊN, SƠN LA				7.1	7.5		14.6	0.75	0	15.35
DD1201	NGUYỄN THUỶ LINH	Nữ	19/10/2007	XÃ SONG PHƯƠNG, HÀ NỘI	8	8.2					16.2	0.25	0	16.45
DD1202	TÔ THUỶ DUYÊN	Nữ	13/02/2007	XÃ TIỀN HẢI, HƯNG YÊN	7.5	8.6					16.1	0.5	0	16.6
DD1204	VŨ THỊ ANH	Nữ	22/01/2007	ĐỒNG CHIÊM, MỸ ĐỨC, HÀ NỘI, HÀ NỘI	8.8			8.6			17.4	0.25	0	17.65
DD1205	NGUYỄN ÁNH KIM NGÂN	Nữ	14/09/2007	TU HOÀNG, PHƯƠNG CANH, NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI, HÀ NỘI	7.1	8					15.1	0.25	0	15.35
DD1206	VŨ THÀNH ĐẠT	Nam	03/05/2007	HUYỆN HẢI HẬU-TỈNH NAM ĐỊNH	7.1	8					15.1	0.5	0	15.6
DD1207	LÊ HOÀNG VŨ	Nam	11/05/2007	VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.3			7.8			16.1	0.25	0	16.35
DD1208	HOÀNG THỊ HỒNG THƯ	Nữ	06/01/2007	AN CHÂU, NGHỆ AN		8.2	8.5				16.7	0.5	0	17.2
DD1209	ĐOÀN NGỌC LOAN	Nữ	02/08/2007	HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM	8				8.9		16.9	0.25	0	17.15
DD1210	NGUYỄN ÁNH HUYỀN	Nữ	04/01/2007	XÃ THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.1					8.1	16.2	0.25	0	16.45
DD1211	ĐỖ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	23/05/2007	XÃ BÌNH GIANG, TỈNH NINH BÌNH, HÀ NAM	8.9	8.9					17.8	0.5	0	18.3
DD1212	PHÙNG THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	10/09/2007	HOÀ THẠCH - QUỐC OAI, HÀ NỘI		8.3	9				17.3	0.25	0	17.55
DD1213	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	28/11/2007	XÃ TRUNG LƯƠNG, HÀ NAM	8.2	8.4					16.6	0.5	0	17.1

DD1214	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	20/06/2007	NÔNG CỐNG, THANH HOÁ, THANH HOÁ		7	8				15	0.5	0	15.5
DD1215	VŨ THANH TÂM	Nữ	01/12/2007	TRỰC THÁI, NAM ĐỊNH		8.2			7.9		16.1	0.25	0	16.35
DD1216	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	17/02/2007	ĐẠO TÚ, VĨNH PHÚC		7.4		7			14.4	0.5	0	14.9
DD1217	LƯU THUÝ NINH	Nữ	25/10/2007	XÃ YÊN LĂNG , THANH PHỐ HÀ NỘI, HÀ NỘI	8	8.3					16.3	0.25	0	16.55
DD1218	HOÀNG BÍCH TRANG	Nữ	25/10/2007	YÊN CHÂU, SƠN LA		8.6				7.5	16.1	0.75	0	16.85
DD1219	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	25/03/2007	DANH THẮNG, BẮC GIANG	7.2	7.4					14.6	0.5	0	15.1
DD1220	NGUYỄN NHO HƯNG	Nam	25/02/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	8	7.2					15.2	0.25	0	15.45
DD1221	LÊ QUỲNH NGÀ	Nữ	19/01/2007	ĐẠI XUYÊN HÀ NỘI, HÀ NỘI				9.2	8.8		18	0.25	0	18.25
DD1222	BÙI THỊ HỢI	Nữ	25/03/2005	QUYẾT THẮNG, LẠC SƠN, HÒA BÌNH	7.5					7.7	15.2	0.75	0	15.95
DD1224	ĐẶNG QUANG HOÀ	Nam	16/06/2007	XÃ CHUYÊN MỸ, HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	9.1			9.8			18.9	0	0	18.9
DD1226	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	21/10/2007	TUYẾT NGHĨA, HÀ NỘI	9.2					8.5	17.7	0.25	0	17.95
DD1228	HOÀNG THUÝ HẰNG	Nữ	02/12/2007	XÃ YÊN CHÂU, SƠN LA	6.4	7.7					14.1	0.75	0	14.85
DD1229	LÒ THI NGỌC TRANG	Nữ	10/12/2007	XÃ YÊN CHÂU, SƠN LA	5.8	7.8					13.6	0	0	13.6
DD1231	PHẠM THỊ THẨM	Nữ	02/10/2007	HẢI ĐƯỜNG, HẢI HẬU, NAM ĐỊNH		8.2	8				16.2	0.5	0	16.7
DD1234	LÝ THÚY NHI	Nữ	20/02/2007	LĂNG PHIẾU -NẬM KHAO- MƯỜNG TÈ-LAI CHÂU		7.1	7.1				14.2	0.75	0	14.95

DD1236	LÒ THỊ NHI	Nữ	20/10/2007	XÃ YÊN CHÂU, SƠN LA		8.1				8	16.1	0.75	0	16.85
DD1237	TRIỆU THỊ ĐIỀU LINH	Nữ	01/06/2007	XÃ THANH HÀ, HÀ NAM				8.5	8.7		17.2	0.5	0	17.7
DD1238	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	23/10/2007	ĐỒNG QUANG, QUỐC OAI, HÀ NỘI		7.7	7.4				15.1	0.25	0	15.35
DD1240	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	29/11/2006	XÃ NỘI BÀI, HÀ NỘI				8.6	8.4		17	0.25	0	17.25
DD1241	NGUYỄN VĂN TÚ	Nam	24/12/2007	MỘC CHÂU PHƯỜNG VÂN SƠN, SƠN LA	6.7					6.4	13.1	0.75	0	13.85
DD1242	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	25/02/2007	PHƯỜNG HIM LAM, ĐIỆN BIÊN	7	7.8					14.8	0.75	0	15.55
DD1243	LÊ THỊ NGUYỆT LINH	Nữ	16/06/2007	XÃ THỌ AN, HÀ NỘI	8.7				8.4		17.1	0.25	0	17.35
DD1244	TRẦN KIM NGỌC	Nữ	26/05/2025	PHƯỜNG TÂN PHONG, LAI CHÂU		8.4	7.8				16.2	0.75	0	16.95
DD1245	PHẠM HẢI Y	Nữ	27/09/2007	THỌ NGHIỆP, NAM ĐỊNH			8.2	8.5			16.7	0.5	0	17.2
DD1246	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	14/06/2007	THỊ TRẤN LƯƠNG SƠN, TỈNH HOÀ BÌNH	8.5	7.7					16.2	0.75	0	16.95
DD1247	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/07/2007	XÃ VÂN CÔN - HUYỆN HOÀI ĐỨC- TP HÀ NỘI		8.5			8.6		17.1	0.25	0	17.35
DD1248	TRẦN BÍCH HẰNG	Nữ	25/08/2007	XÃ NGHĨA THÀNH, NAM ĐỊNH	7.8	8					15.8	0.5	0	16.3
DD1249	PHẠM THỊ MAI CHI	Nữ	21/11/2007	XÃ AN HƯNG (CHIẾN THẮNG CŨ), HẢI PHÒNG		8.2				8	16.2	0.25	0	16.45
DD1250	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/12/2007	XÃ ỨNG THIÊN, HÀ NỘI		9.1	9.2				18.3	0.25	0	18.55
DD1251	CAO HỒNG ÁNH	Nữ	27/03/2007	GIAO AN, GIAO THỦY, NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH	9	9					18	0	0	18

DD1252	TRẦN THUỖ TRANG	Nữ	21/05/2007	XÃ CỔ ĐÔ , TP HÀ NỘI, HÀ NỘI	8.7		8.9				17.6	0.5	0	18.1
DD1253	PHAM ĐỨC TAM	Nam	25/07/2007	THPT TÂY HIẾU, NGHỆ AN	7.3	8.2					15.5	0	0	15.5
DD1254	VƯƠNG THỊ THU THUỖ	Nữ	17/01/2007	TIỀN KIỀU, HÀ GIANG					7.4	7.9	15.3	0.75	0	16.05
DD1255	TRUNG LÊ	Nữ	15/08/2007	SƠN ĐỒNG, HÀ NỘI			8.2			8.6	16.8	0.25	0	17.05
DD1256	LÊ HOÀNG HUY	Nam	11/06/2007	XÃ PHƯƠNG TRUNG, HÀ NỘI	8.5		8.5				17	0.25	0	17.25
DD1257	KIỀU THỊ CHI	Nữ	03/10/2007	VĨNG XUYÊN, HÀ NỘI		7.4		7.9			15.3	0.5	0	15.8
DD1258	NGUYỄN CHÍ KHANH	Nam	18/06/2007	DIỄN LÂM, DIỄN CHÂU, NGHỆ AN			8.6		8.2		16.8	0.75	0	17.55
DD1259	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	13/08/2007	XÃ QUẢNG ĐỊNH, THANH HOÁ		8.3		8			16.3	0.25	0	16.55
DD1260	HÀ THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	09/09/2005	PHÙ YÊN, SƠN LA				7.6		7.7	15.3	0.75	0	16.05
DD1261	BÙI THANH MAI	Nữ	26/11/2007	NGÂN CẦU - QUYẾT TIẾN- TIÊN LĂNG, HẢI PHÒNG		7.5	7.3				14.8	0.75	0	15.55
DD1262	NGUYỄN THÁI AN	Nữ	18/11/2007	THẮNG NHẤT, BÀ RỊA - VŨNG TÀU	7.4				8.1		15.5	0.25	0	15.75
DD1264	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	09/06/2007	GIAO XUÂN, NAM ĐỊNH	8.6			8.7			17.3	0.5	0	17.8
DD1265	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	15/08/2007	SƠN ĐỒNG, HÀ NỘI			8.2			8.6	16.8	0.25	0	17.05
DD1266	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	16/06/2007	XÃ HẢI CƯỜNG, HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH		7.6			7.7		15.3	0.75	0	16.05
DD1267	BÙI PHẠM THU LAN	Nữ	18/12/2007	NAM THÁI, NAM ĐỊNH		9	9.6				18.6	0.5	0	19.1

DD1268	NGUYỄN LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	20/12/2007	THANH CAO, THANH OAI, HÀ NỘI				9.2	9.4		18.6	0.25	0	18.85
DD1269	TRẦN THỊ VÂN ANH	Nữ	03/03/2007	XÃ NGHĨA THÀNH, NAM ĐỊNH	7.2	7.3					14.5	0.5	0	15
DD1270	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	27/04/2005	THANH LIỆT, HÀ NỘI				9	8.9		17.9	0.25	0	18.15
DD1271	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	12/09/2007	TRẤN YÊN, YÊN BÁI	7.7			8.2			15.9	0.75	0	16.65
DD1272	LÊ TRUNG KIÊN	Nam	01/12/2006	TRẤN YÊN, YÊN BÁI				7.9	7.7		15.6	0.75	0	16.35
DD1273	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	17/12/2007	XÃ THANH OAI (KIM THƯ CŨ), HÀ NỘI	8.4		8.6				17	0.5	0	17.5
DD1274	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	16/01/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	9.1					9	18.1	0.25	0	18.35
DD1275	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	21/10/2007	TRẤN YÊN, LÀO CAI	8.5	7.9					16.4	0.75	0	17.15
DD1276	ĐÌNH THỊ HẢI YẾN	Nữ	20/11/2007	XÃ ĐẶNG XÁ, HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI	8.2	7.4					15.6	0.75	0	16.35
DD1277	HÀ THUỶ TRANG	Nữ	14/12/2007	XUY XÁ, HÀ NỘI	8.7	8.2					16.9	0.25	0	17.15
DD1278	NGUYỄN THỊ NGÀ	Nữ	09/10/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.4	7.8					16.2	0.25	0	16.45
DD1279	KHỔNG VŨ HUY	Nam	24/12/2007	THÔN KHE LỰA,	8.5				8.4		16.9	0.5	0	17.4
DD1280	LƯƠNG THẾ PHỦ	Nam	22/07/2007	CHIỀNG SƠ, SƠN LA	7.1					7.2	14.3	0.75	0	15.05
DD1281	NGUYỄN HẠ VI	Nữ	23/10/2007	XÃ ĐỒNG QUANG, HÀ NỘI		8		8.5			16.5	0.25	0	16.75
DD1282	QUÀNG THỊ ANH THƯ	Nữ	23/08/2025	SẬP VẬT, SƠN LA				9	8.7		17.7	0.75	0	18.45

DD1283	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	28/09/2007	XÃ VẠN THÁI, HUYỆN ỨNG HOÀ THÀNH PHỐ HÀ NỘI	8.5		8.3				16.8	0.25	0	17.05
DD1284	HOÀNG THUỶ TRANG	Nữ	23/07/2007	HUYỆN MỘC CHÂU TỈNH SƠN LA, SƠN LA		6.1				7.3	13.4	0.75	0	14.15
DD1285	LƯU THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	07/11/2007	GIAO YẾN, NAM ĐỊNH				8.3	8.1		16.4	0.5	0	16.9
DD1286	TRƯƠNG MINH ÁNH	Nữ	30/07/2007	TRƯNG VƯƠNG, VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ	7.7	8.1					15.8	0.25	0	16.05
DD1287	ĐẶNG PHAN PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/10/2008	XÃ ĐỨC THỌ, HÀ TĨNH	9	9					18	0.5	0	18.5
DD1288	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	27/01/2007	XÃ ĐÔNG LỖ, BẮC GIANG	8.6	8.8					17.4	0.5	0	17.9
DD1289	TRẦN THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	12/06/2007	HOÀ BÌNH - THƯỜNG TÍN -HÀ NỘI	7.6	8.3					15.9	0.25	0	16.15
DD1290	HOÀNG THỊ MINH THU	Nữ	28/11/2007	XÃ CHIENG MAI HUYỆN MAI SƠN, SƠN LA	7	6.7					13.7	0.75	0	14.45
DD1291	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÀ	Nữ	11/09/2007	THỊ TRẤN CỔ LỄ,TRỰC NINH,NAM ĐỊNH	9.1	9.5					18.6	0.5	0	19.1
DD1292	LÈO NGỌC KIM	Nữ	25/04/2007	CHIỀNG MAI, SƠN LA	7	6.7					13.7	0.75	0	14.45
DD1293	DƯƠNG HỒNG NHUNG	Nữ	09/04/2007	PHƯỜNG MỘC, SƠN LA	7	7					14	0.75	0	14.75
DD1294	HOÀNG NGUYỄN THẢO LY	Nữ	05/11/2007	HẢI TIẾN, NINH BÌNH	8.2	8.8					17	0.25	0	17.25
DD1295	ĐỖ KHÁNH LY	Nữ	25/12/2007	THỊ TRẤN LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH	8	9.2					17.2	0.75	0	17.95
DD1296	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	01/05/2007	HẢI ĐƯỜNG, NAM ĐỊNH				8.4	8.4		16.8	0.5	0	17.3
DD1297	PHẠM NGỌC MẠNH	Nam	05/03/2007	THANH THUỶ, PHÚ THỌ	8	7.3					15.3	0.5	0	15.8

DD1298	NGUYỄN THỊ HOÀNG PHƯƠNG	Nữ	29/08/2007	HUYỆN TAM ĐẢO- TỈNH VĨNH PHÚC	6.6	8.6					15.2	0.75	0	15.95
DD1299	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	15/04/2007	XÃ MỸ THUẬN, NAM ĐỊNH	9.2					9.5	18.7	0.5	0	19.2
DD1300	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	29/09/2007	XÃ TUYẾT NGHĨA, HUYỆN QUỐC OAI, HÀ NỘI	9.2	8					17.2	0.25	0	17.45
DD1301	NGHIÊM NGỌC LAN HƯƠNG	Nữ	11/11/2007	XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH PHÚ THỌ, PHÚ THỌ				7	8.5		15.5	0.5	0	16
DD1302	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	30/04/2007	XÃ TUY LỘC, YÊN BÁI	9	9					18	0.25	0	18.25
DD1303	DƯƠNG THU HẠNH	Nữ	12/10/2007	LIÊM CHUNG, HÀ NAM		7.8		7.8			15.6	0.25	0	15.85
DD1304	NGUYỄN HUYỀN THUỶ TIỀN	Nữ	05/11/2007	HOÀ BÌNH, HÀ NỘI		8.7	8.6				17.3	0.25	0	17.55
DD1305	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	19/08/2006	XÃ ĐỨC MINH -HUYỆN ĐỨC THỌ, HÀ TĨNH	8.4			9			17.4	0.75	0	18.15
DD1306	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	26/08/2007	XÃ ĐẠI XUYỀN HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI	8.9			9.2			18.1	0.25	0	18.35
DD1307	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	13/05/2007	LIỆP NGHĨA, HÀ NỘI					9.3	8.6	17.9	0.25	0	18.15
DD1308	VŨ TRẦN THẢO TRANG	Nữ	13/12/2007	PHƯỜNG ĐOÀN KẾT, LAI CHÂU		8		8.1			16.1	0.25	0	16.35
DD1309	NGUYỄN KIM THOA	Nữ	18/09/2007	THƯỢNG MỖ, HÀ NỘI	8.2				8.6		16.8	0.25	0	17.05
DD1310	NÔNG HÀ THU HIỀN	Nữ	28/09/2006	XÃ PHÚ THỊNH, THÁI NGUYÊN		7.5				8	15.5	0.75	0	16.25
DD1311	NGUYỄN THUỶ LINH	Nữ	23/12/2007	PHỐ ĐỒNG VĂN PHƯỜNG THUẬN THÀNH, BẮC NINH	7.7			8.2			15.9	0.25	0	16.15
DD1312	SÌ THUỶ TRANG	Nữ	10/09/2007	MÙ CẢ, LAI CHÂU		7.2			6.9		14.1	0.75	0	14.85

DD1313	TRỊNH KHÁNH LY	Nữ	26/07/2007	XÃ ĐẠI XUYỀN, HÀ NỘI	9.5			8.9			18.4	0.25	0	18.65
DD1314	PHẠM TUẤN ANH	Nam	23/08/2007	PHÚC SƠN MỸ ĐỨC HÀ NỘI, HÀ NỘI	9.9					9.2	19.1	0.75	0	19.85
DD1315	VŨ NGỌC ANH	Nữ	01/10/2007	XÃ NA SANG, ĐIỆN BIÊN	8.2	8					16.2	0.5	0	16.7
DD1316	LÊ NHƯ ANH	Nữ	15/04/2007	(THỊ TRẤN MÃN ĐỨC, HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH CŨ), PHÚ THỌ	7.4	8					15.4	0.75	0	16.15
DD1317	NGUYỄN THẢO NINH	Nữ	27/10/2007	THỊ TRẤN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, HẢI PHÒNG		7.7				7.3	15	0.75	0	15.75
DD1318	NGUYỄN BÍCH LINH	Nữ	29/06/2007	MỄ TRÌ, HÀ NỘI		8.7			9.5		18.2	0	0	18.2
DD1319	HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	07/03/2006	THÔN THÁI THỌ XÃ THÁI SƠN HUYỆN HIỆP HOÀ, BẮC GIANG				6.6	7.1		13.7	0.5	0	14.2
DD1320	TRỊNH PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/06/2007	ỨNG HÒA, HÀ NỘI	8.4			9			17.4	0.25	0	17.65
DD1321	LÊ HẢI LINH	Nữ	03/02/2007	XÃ QUẤT ĐỘNG, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	7.3	8					15.3	0.25	0	15.55
DD1322	NGUYỄN MINH ÁNH	Nữ	13/12/2007	PHƯỜNG PHÚ LƯƠNG, HÀ NỘI	8.8	8.1					16.9	0	0	16.9
DD1323	NGUYỄN HÀ CHÂU	Nữ	17/05/2007	ĐÔNG LA, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI		8			8		16	0.25	0	16.25
DD1324	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	06/09/2007	HOÀNG LIỆT, HOÀNG MAI, HÀ NỘI		9				9.5	18.5	0	0	18.5
DD1325	KIM THANH LAN	Nữ	11/10/2005	XÓM BẢN KHÓA XÃ CHÂU LÝ HUYỆN QUỲ HỢP, NGHỆ AN				7.3	7.7		15	0.75	0	15.75
DD1326	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	01/08/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI				9.2	9.2		18.4	0	0	18.4
DD1327	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	25/08/2025	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI			8.9			9.2	18.1	0.25	0	18.35

DD1328	MỖ THỊ THU HẢI	Nữ	02/05/2007	NGA PHƯỢNG, NGÀ SƠN, THANH HOÁ		8.3				7.5	15.8	0.5	0	16.3
DD1329	NGUYỄN HƯƠNG LY	Nữ	03/09/2007	YÊN LẠC, VĨNH PHÚC		8.2	7.7				15.9	0.5	0	16.4
DD1330	NGUYỄN THUỖ LINH	Nữ	15/11/2007	PHƯỜNG SƠN TÂY, HÀ NỘI		8	8.4				16.4	0.25	0	16.65
DD1331	LƯƠNG THỊ HOÀI DUNG	Nữ	23/06/2007	SƠN LƯƠNG, YÊN BÁI				8	8		16	0.25	0	16.25
DD1332	TRẦN VÂN ANH	Nữ	06/02/2007	PHƯỜNG THÀNH CÔNG, HÀ NỘI		9.1	9.1				18.2	0	0	18.2
DD1334	NGUYỄN DANH THÁI	Nam	30/01/2007	SƠN ĐỒNG, HÀ NỘI			8.1			8.5	16.6	0.25	0	16.85
DD1337	TRẦN THỊ TÚ QUYÊN	Nữ	27/05/2007	MỘC CHÂU, SƠN LA	5.2	6.2					11.4	0.75	0	12.15
DD1339	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	26/02/2007	TRỰC NỘI, NAM ĐỊNH	7.4	8.6					16	0.5	0	16.5
DD1340	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	12/06/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.8			9			17.8	0.25	0	18.05
DD1341	VŨ KIM OANH	Nữ	13/10/2007	XÃ DŨNG TIẾN, HÀ NỘI	8.4		8.2				16.6	0.25	0	16.85
DD1342	PHẠM NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	12/06/2007	PHƯỜNG POM HÁN THÀNH PHỐ LẠO CAI				8.2	6.9		15.1	0.75	0	15.85
DD1343	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	31/01/2007	XÃ KIỀU PHÚ, HÀ NỘI		8			8.5		16.5	0.25	0	16.75
DD1344	LÊ HOÀI THU	Nữ	26/07/2007	XÃ THANH OAI, HÀ NỘI	8.6	8.3					16.9	0.25	0	17.15
DD1345	NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ	Nữ	23/10/2007	XÃ TRƯỜNG YÊN HUYỆN CHƯƠNG MỸ HÀ NỘI, HÀ NỘI	8.9	8.4					17.3	0.25	0	17.55
DD1346	NGUYỄN THỊ MINH HỒNG	Nữ	20/04/2007	XÃ QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.6			8.6			17.2	0.25	0	17.45

DD1347	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	31/05/2007	DŨNG TIẾN, HÀ NỘI		7.4	6.9				14.3	0.25	0	14.55
DD1348	CAO THỊ PHƯƠNG THI	Nữ	13/08/2007	XÃ THỤY VÂN, PHÚ THỌ					9.6	9.3	18.9	0.5	0	19.4
DD1349	ĐÀO KHÁNH LY	Nữ	06/08/2007	XÃ TIÊN DƯƠNG, HÀ NỘI		8.2	8.9				17.1	0.25	0	17.35
DD1350	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	30/08/2007	ỨNG THIÊN, HÀ NỘI	8.3	8.5					16.8	0.25	0	17.05
DD1351	NGUYỄN THỊ KIM HOÀN	Nữ	24/08/2007	XÃ HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	7.9		8				15.9	0.5	0	16.4
DD1352	TRẦN HOÀI THƯƠNG	Nữ	02/08/2007	THANH CAO, HÒA BÌNH	8.1	9					17.1	0.75	0	17.85
DD1353	BÙI NGỌC ÁNH	Nữ	04/05/2007	PHƯỜNG KHƯƠNG THƯỢNG, HÀ NỘI		7.7				8.2	15.9	0	0	15.9
DD1354	NGUYỄN THỊ MINH ANH	Nữ	11/04/2007	THÔN THƯỢNG-VIÊN NỘI-ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	9.1	8.2					17.3	0.25	0	17.55
DD1355	BÙI QUỲNH NHƯ	Nữ	05/10/2007	BÌNH MINH HÀ NỘI, HÀ NỘI	8.1	7.8					15.9	0.25	0	16.15
DD1356	ĐÀO THỊ SINH	Nữ	22/07/2007	GIA BÌNH, BẮC NINH	7.9		8				15.9	0.5	0	16.4
DD1357	BÙI THỊ YẾN NHI	Nữ	12/07/2007	VŨ CÔNG, THÁI BÌNH	7.9					8.3	16.2	0.25	0	16.45
DD1358	NGUYỄN MINH NGỌC	Nữ	23/02/2007	LÀO CAI, LÀO CAI		7.3				7.3	14.6	0.25	0	14.85
DD1359	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	30/10/2007	TÂN HỘI, ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI			7.2		6.6		13.8	0.75	0	14.55
DD1360	NGUYỄN ÁNH LINH	Nữ	01/10/2007	XÃ ỨNG THIÊN, HÀ NỘI		8.5			8.8		17.3	0.5	0	17.8
DD1361	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Nữ	27/10/2007	TỐT ĐỘNG, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.5		9.2	18.7	0.25	0	18.95

DD1362	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	30/09/2007	HƯNG HÀ, THÁI BÌNH	7.8	9					16.8	0.5	0	17.3
DD1363	ĐẶNG THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	02/07/2007	TP CAO BẰNG, CAO BẰNG	7.8	7.1					14.9	0.5	0	15.4
DD1364	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	01/09/2007	PHÙ LƯU TẾ, MỸ ĐỨC, HÀ NỘI, HÀ NỘI		8.6		8.1			16.7	0.75	0	17.45
DD1365	ĐẶNG HOÀNG HÀ	Nam	12/04/2007	ĐẠI YÊN, HÀ NỘI	8.4				9.4		17.8	0.25	0	18.05
DD1366	HÀ PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/10/2006	QUYẾT TIẾN- PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ- HÀ NỘI, HÀ NỘI	8.4	8.2					16.6	0.25	0	16.85
DD1367	BẠCH MINH THUÝ	Nữ	23/06/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.4	8.2					16.6	0.25	0	16.85
DD1368	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	17/08/2007	VĂN GIANG - MỸ ĐỨC - HÀ NỘI, HÀ NỘI		8.9	9				17.9	0.25	0	18.15
DD1369	ĐÌNH THỊ VÂN	Nữ	25/12/2007	MỸ LƯƠNG, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9.4				8.6		18	0.5	0	18.5
DD1370	NGÔ THUÝ QUỲNH	Nữ	13/08/2002	TRUNG KIẾN, VĨNH PHÚC		7.6		7.1			14.7	0.5	0	15.2
DD1371	NGÔ THỊ HẢI YẾN	Nữ	05/07/2007	XÃ MỸ LƯƠNG HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0.5	0	17.4
DD1372	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	19/11/2007	TRUNG CHÍNH, BẮC NINH	9.7				9.1		18.8	0.5	0	19.3
DD1373	NGÔ VŨ MAI ANH	Nữ	28/09/2007	THÔN KIM LÂM , XÃ THANH OAI, HÀ NỘI		8.3		8.8			17.1	0.25	0	17.35
DD1374	HÀ HƯƠNG LY	Nữ	26/12/2007	THỊ NGOẠI -HƯNG ĐẠO -HÀ NỘI, HÀ NỘI	7.7	8.3					16	0.25	0	16.25
DD1375	NGUYỄN THU THANH	Nữ	02/06/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.2					8.2	16.4	0.25	0	16.65
DD1376	LƯƠNG THỊ TUYẾN	Nam	07/10/2007	XÃ PHÚ THỊNH, YÊN BÁI	7.3	8.2					15.5	0.5	0	16

DD1377	LÊ THỊ VÂN ANH	Nữ	27/05/2007	ĐỒNG TIẾN, THANH HOÁ					8.3	8.6	16.9	0.5	0	17.4
DD1378	NGUYỄN THANH VY	Nữ	23/04/2007	TÂN ĐÔNG, TÂY NINH					9.4	8.9	18.3	0.5	0	18.8
DD1379	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	Nữ	18/03/2007	AN ĐẠO, PHÙ NINH, PHÚ THỌ	8			8.1			16.1	0.5	0	16.6
DD1381	NGUYỄN HỒNG TRANG	Nữ	07/12/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG DƯƠNG , QUẬN HOÀN KIẾM, BẮC GIANG	7.5	7.6					15.1	0	0	15.1
DD1382	ĐINH ANH THƯ	Nữ	07/08/2007	XÃ YÊN LỘC, HUYỆN Ý YÊN, NAM ĐỊNH	8.4		8.7				17.1	0.5	0	17.6
DD1383	LÊ THANH PHONG	Nam	02/11/2007	PHƯỜNG CAO XANH, QUẢNG NINH		7.6	8.3				15.9	0.25	0	16.15
DD1384	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	08/04/2007	KIM QUAN, HÀ NỘI	9	8.6					17.6	0.25	0	17.85
DD1385	VŨ THUÝ THẢO	Nữ	28/04/2007	NGHĨA SƠN, NINH BÌNH		8.4				8.4	16.8	0.5	0	17.3
DD1386	ĐỖ THỊ KIM ANH	Nữ	11/03/2007	PHƯỜNG TỪ LIÊM, HÀ NỘI	8.3	7.3					15.6	0	0	15.6
DD1387	NGUYỄN NGỌC LINH TRANG	Nữ	23/10/2007	MAI CHÂU, PHÚ THỌ				7.5	7.4		14.9	0.75	0	15.65
DD1388	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	26/08/2025	XÃ THANH KHƯƠNG, BẮC NINH	7.3	6.8					14.1	0.25	0	14.35
DD1389	TẶNG THỊ DIỄM MY	Nữ	10/04/2007	XÃ PHÙ ĐỔNG, HÀ NỘI		7.8			7.9		15.7	0.25	0	15.95
DD1390	TÀO HOÀNG PHI	Nam	25/11/2007	NGUYỆT VIÊN, THANH HOÁ	7.8				9		16.8	0.25	0	17.05
DD1391	PHẠM GIA HUY	Nam	11/09/2007	THANH MAI THANH OAI, HÀ NỘI	4	8					12	0.25	0	12.25
DD1392	HOÀNG THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	20/09/2007	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.3	8.2					16.5	0.25	0	16.75

DD1393	NGUYỄN THỊ DIỆP	Nữ	06/05/2006	HỒNG PHONG, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				9.2		9.2	18.4	0.25	0	18.65
DD1394	NGUYỄN VĂN ĐIỀU	Nam	12/05/2007	KIM THƯ, THANH OAI, HÀ NỘI					8.6	8.5	17.1	0.25	0	17.35
DD1395	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	13/11/2007	XÃ PHÚC SƠN, HÀ NỘI		8.3		9.1			17.4	0.25	0	17.65
DD1396	HOÀNG DIỆU THUỶ LINH	Nữ	27/05/2007	DÂN HOÀ, HÀ NỘI	8.1	8.1					16.2	0.5	0	16.7
DD1397	TRẦN MINH ANH	Nữ	18/07/2007	PHƯỜNG LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI, LÀO CAI					8.3	8.2	16.5	0.25	0	16.75
DD1398	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	14/06/2007	HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	8.2	8.2					16.4	0.25	0	16.65
DD1399	ĐỖ THỊ NGỌC KHÁNH	Nữ	27/10/2007	XÃ ĐỒNG TÂM, HÀ NỘI	8.3	8.6					16.9	0	0	16.9
DD1400	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	29/09/2007	XÃ NGHĨA ĐỒNG, HUYỆN NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH			8	8.4			16.4	0.5	0	16.9
DD1401	NGUYỄN HOA HỒNG	Nữ	22/01/2007	XÃ TÂN AN, HẢI PHÒNG	9.4				9.2		18.6	0.5	0	19.1
DD1402	NGUYỄN TÚ KHUYÊN	Nữ	17/01/2007	XÃ ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	7.9	7.2					15.1	0.75	0	15.85
DD1403	TRẦN THỊ MAI LỆ	Nữ	29/04/2007	XÃ NAM HỒNG, HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH	7.5		8				15.5	0.5	0	16
DD1404	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	13/12/2007	XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	8.3					8.6	16.9	0.25	0	17.15
DD1405	LƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	19/06/2007	XÃ TIỀN LỮ, HƯNG YÊN	8.2	9					17.2	0.5	0	17.7
DD1406	NGUYỄN NGỌC LINH	Nữ	18/11/2007	PHƯỜNG TRUNG- THANH OAI, HÀ NỘI	8.8	8.3					17.1	0.5	0	17.6
DD1407	NGUYEN THẢO HOÀ	Nữ	04/05/2006	YÊN TRUNG, HÀ NỘI	7		7.8				14.8	0	0	14.8

DD1408	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	16/08/2007	XÃ NGHĨA HỒNG, HUYỆN NGHĨA HƯNG, TỈNH NAM ĐỊNH				9.4	8.1		17.5	0.5	0	18
DD1409	ĐỖ MINH PHƯƠNG	Nữ	07/11/2007	XÃ THANH OAI, HÀ NỘI		8.6				8.5	17.1	0.25	0	17.35
DD1410	LÊ TRANG NHUNG	Nữ	13/01/2007	XUÂN MAI, HÀ NỘI	8.1	8					16.1	0.25	0	16.35
DD1411	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	Nữ	07/02/2007	ĐỒI CHÈ, TÂN TIẾN, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.1	8.3					16.4	0.25	0	16.65
DD1412	PHẠM THỊ ANH THƠ	Nữ	04/12/2007	PHƯỜNG NHỊ CHIỂU, HẢI PHÒNG	7.3		7.7				15	0.25	0	15.25
DD1413	NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	Nữ	28/03/2007	THANH LIỆT, HÀ NỘI	8.8	8.2					17	0	0	17
DD1414	NGUYỄN LÊ BẢO CHÂU	Nữ	02/12/2007	PHÚ LƯƠNG, HÀ NỘI		7.8	8				15.8	0.25	0	16.05
DD1415	TRẦN THỊ ĐÀO	Nữ	25/04/2007	XÃ HOẰNG PHỤ, THANH HOÁ	8.1		9.1				17.2	0.5	0	17.7
DD1416	NGUYỄN ĐỨC NHẬT ANH	Nam	17/10/2007	XÃ HẠ BẰNG, HÀ NỘI		8.2	8.2				16.4	0.75	0	17.15
DD1417	PHẠM THỊ VÂN ANH	Nữ	29/06/2007	VĂN LÝ, HÀ NAM	8.1	8.5					16.6	0.5	0	17.1
DD1418	NGUYỄN THỊ YẾN ANH	Nữ	27/07/2006	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.3	8.3					16.6	0.25	0	16.85
DD1419	ĐỖ BÍCH VÂN	Nữ	11/11/2007	PHƯỜNG KIẾN HƯNG, HÀ NỘI	8.4	8.6					17	0	0	17
DD1420	NGUYỄN THỊ THẢO YẾN	Nữ	28/10/2007	HƯƠNG SƠN, HÀ NỘI	9.3	8.9					18.2	0.25	0	18.45
DD1421	NGUYỄN THUY HÀ	Nữ	01/08/2007	HUYỆN THANH THUỶ, PHÚ THỌ		8.5	8.9				17.4	0.75	0	18.15
DD1422	NGUYỄN HỒNG NGỌC	Nữ	22/09/2006	BÁ HIẾN, VINH PHÚC		7.8		8.6			16.4	0.5	0	16.9

DD1423	CHU NGỌC VÂN	Nữ	25/07/2007	GIA LÂM, HÀ NỘI					8.2	8.2	16.4	0.25	0	16.65
DD1424	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN	Nữ	10/02/2007	QUẢNG TÂM, THANH HOÁ	8.1	8.3					16.4	0.25	0	16.65
DD1425	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	30/11/2007	XÃ PHÚC LỘC, HÀ NỘI	8.3	9.2					17.5	0.25	0	17.75
DD1426	LƯỜNG VIỆT QUANG	Nam	29/11/2007	XÃ THUẬN CHÂU, SƠN LA		5.9			5.9		11.8	0.75	2	14.55
DD1427	NGUYỄN KHÁNH ĐIỂM	Nữ	17/01/2007	XÃ HOÀ TÂN TÂY, HUYỆN TÂY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN		8.6		9.2			17.8	0.5	0	18.3
DD1428	KIỀU THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	21/11/2006	YÊN LÃNG, HÀ NỘI		6.9		7.5			14.4	0.25	0	14.65
DD1429	ĐỖ THỊ THUỖ MAI	Nữ	07/01/2007	XÃ HOÀNG VÂN, BẮC GIANG	7.9	8.3					16.2	0.5	0	16.7
DD1430	PHÙNG THỊ HÀ ANH	Nữ	23/01/2007	PHÚC SƠN, HÀ NỘI	8.7	8.3					17	0.25	0	17.25
DD1431	NGUYỄN VÕ HƯƠNG GIANG	Nữ	02/05/2007	KIM NỖ ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	7.3	7.6					14.9	0.25	0	15.15
DD1432	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	03/05/2007	XÃ XUÂN HỒNG-TỈNH HÀ TĨNH		8.2			8.2		16.4	0.5	0	16.9
DD1433	LÊ THỊ THÚY QUỲNH	Nữ	14/08/2007	DŨNG TIẾN, HÀ NỘI		8.3	7.9				16.2	0.5	0	16.7
DD1434	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	19/10/2007	THÔN HOÀ BÌNH - PHƯỜNG ĐÔNG SƠN-THANH HOÁ	7.6	8.7					16.3	0.5	1	17.8
DD1435	NGUYỄN MINH ÁNH	Nam	25/11/2007	XÃ NGHĨA PHONG, NAM ĐỊNH	7.6		8				15.6	0.5	0	16.1
DD1436	TRẦN THU NGÀ	Nữ	23/06/2007	SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG					8.5	7.8	16.3	0.25	0	16.55
DD1437	CẦN KHÁNH THƯƠNG	Nữ	17/09/2007	XÃ KIM QUAN, HÀ NỘI		7.7	7.6				15.3	0.25	0	15.55

DD1438	CẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	11/04/2007	XÃ THẠCH THẮT, HÀ NỘI	7	7.5					14.5	0.25	0	14.75
DD1439	ĐÀO NHUỆ GIANG	Nữ	03/03/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.5	8					17.5	0.25	0	17.75
DD1440	TRỊNH THỊ HỒNG THOAN	Nữ	09/03/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.8	8.7					17.5	0.25	0	17.75
DD1441	ĐỖ NGỌC MINH AN	Nữ	06/12/0207	NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI		8.6	8.8				17.4	0.25	0	17.65
DD1442	DƯƠNG GIA KIỆM	Nam	12/05/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI	8.2				8.6		16.8	0.25	0	17.05
DD1443	TRỊNH THỊ THANH TUYỀN	Nữ	21/12/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.8	8.9					17.7	0.25	0	17.95
DD1444	NGUYỄN THỊ MINH THANH	Nữ	26/01/2007	XUÂN LAI , ĐẠI HOÀNG , NINH BÌNH	8.4				8.3		16.7	0.5	0	17.2
DD1445	NGUYỄN HỒNG ANH	Nữ	10/06/2007	PHƯỜNG PHƯƠNG LIỆT ,QUẬN THANH XUÂN,HÀ NỘI	8.4	8.3					16.7	0	0	16.7
DD1446	TRẦN THỊ THUỶ TRANG	Nữ	24/06/2007	VĂN TỰ, HÀ NỘI	8.2	8.4					16.6	0.25	0	16.85
DD1447	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	Nữ	07/08/2007	TRỰC CƯỜNG, NAM ĐỊNH		8.9			8.6		17.5	0.5	0	18
DD1448	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	03/02/2007	NGUYỄN TRUNG TRỰC, HÀ NỘI		7.9			8.7		16.6	0	0	16.6
DD1449	NGUYỄN THỊ HIÊN	Nữ	03/10/2007	XÃ ĐẠI YÊN, HÀ NỘI	8.2					8.8	17	0.25	0	17.25
DD1450	ĐÌNH XUÂN VINH	Nam	11/07/2007	XÃ CHUNG THÀNH, THANH HOÁ	9.1					8.7	17.8	0.75	2	20.55
DD1451	LÊ PHƯƠNG MAI	Nữ	09/11/2007	CỰ KHÊ, THANH OAI, HÀ NỘI				8	8		16	0.75	0	16.75
DD1452	NGUYỄN THỊ YẾN HOA	Nữ	28/06/2007	XÃ THƯỢNG NÔNG, TUYÊN QUANG				6.5		6.4	12.9	0.75	2	15.65

DD1453	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	09/12/2007	LƯƠNG BẮNG, HƯNG YÊN				9.1	8.4		17.5	0.5	0	18
DD1454	LÝ HOÀNG NHẬT	Nữ	21/05/2007	XÃ BẮC QUANG, HÀ GIANG		8		7.2			15.2	0.75	2	17.95
DD1455	ĐOÀN HÀ ANH	Nữ	29/06/2007	THÔN THANH THẦN XÃ BÌNH MINH, HÀ NỘI	8.4		8.5				16.9	0.25	0	17.15
DD1456	HOÀNG THỊ VÂN ANH	Nữ	20/08/2007	XÃ SONG PHƯƠNG, HÀ NỘI		8		8.9			16.9	0.25	0	17.15
DD1457	NGUYỄN THANH THUỶ	Nữ	24/01/2007	TP TỪ SƠN, BẮC NINH					8.4	8.2	16.6	0.25	0	16.85
DD1458	CAO THỊ THU HIỀN	Nữ	30/05/2007	QUẢNG PHÚ, BẮC NINH	8.1	8.1					16.2	0.5	0	16.7
DD1459	NGUYỄN LÊ BIÊN THUỶ	Nữ	30/09/2007	QUỖI HỢP, NGHỆ AN	8.5				8.4		16.9	0.75	0	17.65
DD1460	NGUYỄN VĂN QUYẾN	Nam	23/04/2007	QUỖI NH LƯU, NGHỆ AN			7.8	7.8			15.6	0.75	0	16.35
DD1461	ĐÀO PHƯƠNG TRINH	Nữ	30/06/2007	QUỖI HỢP, NGHỆ AN		9			8.2		17.2	0.75	0	17.95
DD1462	NGUYỄN TRỌNG VINH	Nam	03/11/2007	QUỖI NH LƯU, NGHỆ AN			8.2	8.1			16.3	0.75	0	17.05
DD1463	HOÀNG TÚ LỆ	Nữ	08/11/2007	HÀ QUẢNG, CAO BẰNG	6	6.7					12.7	0.75	0	13.45
DD1464	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	12/03/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI		8.1			8.4		16.5	0.25	0	16.75
DD1465	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	12/11/2007	HỮU HOÀ - THANH TRÌ - HÀ NỘI		8.9				8.7	17.6	0	0	17.6
DD1466	CÙ ĐỨC ANH	Nam	20/09/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8			8.2			16.2	0	0	16.2
DD1467	ĐẶNG ĐÌNH LỘC	Nam	15/06/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI		8.2		8.6			16.8	0	0	16.8

DD1468	NGUYỄN TRẦN THU HƯƠNG	Nữ	21/11/2007	NGHĨA PHÚ, NAM ĐỊNH	7.8	7.9					15.7	0.75	0	16.45
DD1469	NGUYỄN THỊ LÊ DUNG	Nữ	30/09/2007	HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.3				8.8		17.1	0	0	17.1
DD1472	TRỊNH TRÀ MY	Nữ	19/11/2007	PHƯỜNG PHÚC LỢI, HÀ NỘI				8.9	8.5		17.4	0	0	17.4
DD1473	PHÙNG THỊ THU LAN	Nữ	16/12/2007	MÈO VẠC, HÀ GIANG		8.2		7.3			15.5	0.75	0	16.25
DD1475	ĐẶNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	02/06/2007	BÌNH LƯU QUANG, HÀ NỘI	9.6				9.7		19.3	0.25	0	19.55
DD1476	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	18/08/2007	XÃ XUÂN HỒNG, TỈNH NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH	7.6	8.2					15.8	0.5	0	16.3
DD1477	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG SINH	Nữ	11/01/2007	XÃ HẠ BẮNG, HÀ NỘI	7.4	8.4					15.8	0.25	0	16.05
DD1478	NGUYỄN BẢO QUYÊN	Nữ	17/09/2007	XÃ BẮC QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG		7		7			14	0.75	2	16.75
DD1479	BÙI TỔ UYÊN	Nữ	07/04/2007	XÃ PHÙ ĐỔNG, HÀ NỘI		8.2			8		16.2	0.25	0	16.45
DD1480	VŨ THỊ THUỖ ANH	Nữ	13/09/2007	THÀNH PHỐ VINH, NGHỆ AN			8.2		7.9		16.1	0.5	0	16.6
DD1481	ĐỖ THỊ THUỖ MY	Nữ	13/05/2006	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.4	8.6					17	0.25	0	17.25
DD1482	DƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	06/11/2007	XÃ GIA LỘC, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, HẢI DƯƠNG	9.3		9.4				18.7	0.5	0	19.2
DD1483	PHẠM LÊ PHƯỚC ANH	Nam	05/11/2007	LẠC THỦY, HÒA BÌNH	6.7			7.8			14.5	0.75	0	15.25
DD1484	ĐỖ HÀ TRANG	Nữ	20/07/2006	XUÂN LÔI, VĨNH PHÚC				7.7		8.2	15.9	0.5	0	16.4
DD1485	ĐOÀN THỊ THUỖ TRANG	Nữ	18/06/2007	XÃ PHÚC LỘC, HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI		7.5				7.8	15.3	0.25	0	15.55

DD1486	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	20/02/2007	THỊ XÃ SƠN TÂY, HÀ NỘI	8.3		8.7				17	0.25	0	17.25
DD1487	CHU THANH THẢO	Nữ	15/11/2007	DỤC TÚ/ ĐÔNG ANH, HÀ NỘI		6.8			8.3		15.1	0.25	0	15.35
DD1488	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	28/02/2007	XÃ XUÂN HỒNG, TỈNH NAM ĐỊNH	6.9	8.6					15.5	0.5	0	16
DD1489	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	25/02/2007	KTHUY LÂM, ĐÔNG ANH, HÀ NỘI				7.5	7.8		15.3	0.25	0	15.55
DD1490	ĐỒNG TUYẾT NHUNG	Nữ	09/11/2006	THÔN BẮC THỌ - XÃ VẠN LỘC, THANH HOÁ	7	7.9					14.9	0.25	0	15.15
DD1491	PHẠM QUANG DUNG	Nam	05/08/2007	THANH OAI, HÀ NỘI				9.4	8.8		18.2	0.75	0	18.95
DD1492	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	19/06/2007	XÃ THỌ PHÚ, THANH HOÁ	8.5		9.1				17.6	0.5	0	18.1
DD1493	NGUYỄN MINH THU	Nữ	23/08/2007	PHƯƠNG CANH, HÀ NỘI	8.1	7.9					16	0	0	16
DD1494	PHẠM THUỶ DƯƠNG	Nữ	17/12/2007	XÃ NINH SỞ , HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.5	8.5					17	0.5	0	17.5
DDD054	ĐINH THỊ HOÀI YẾN	Nữ	30/10/2007	XÃ CỤ THẮNG THANH SƠN PHÚ THỌ, PHÚ THỌ		6.6			7.6		14.2	0	0	14.2
DDD056	TRẦN CHƯƠNG	Nam	01/01/2007	PHƯỜNG KIẾN HƯNG, HÀ NỘI	9.4	8.2					17.6	0.75	0	18.35
DDD058	VŨ THỊ CẨM TÚ	Nữ	12/12/2007	PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				8.7		9.2	17.9	0.25	0	18.15
DDD059	NGUYỄN TOÀN THẮNG	Nam	22/06/2007	TÂN VIỆT - YÊN MỸ - HƯNG YÊN, HƯNG YÊN	7.9	7.5					15.4	0.5	0	15.9
DDD060	ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	28/11/2007	XÃ TRUNG LƯƠNG, HÀ NAM	8.2	8.4					16.6	0.5	0	17.1
DDD061	VƯƠNG LỆ THUỶ	Nữ	29/03/2007	XÃ TỤ NHÂN, HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG			6.6			6.5	13.1	0.75	0	13.85

DDD062	BÙI HẢI YẾN	Nữ	06/09/2007	XÃ QUỲNH ANH, NGHỆ AN				8.3	8		16.3	0.5	0	16.8
DDD063	NGA THỊ NHUNG	Nữ	23/03/2006	HÒA PHÚ, HÀ NỘI	8.1					8.2	16.3	0.25	0	16.55
DDD064	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	23/03/2006	HÒA PHÚ, HÀ NỘI	8.1					8.2	16.3	0.25	0	16.55
DDD065	NGUYỄN THỊ KIM HOÀN	Nữ	24/08/2007	XÃ HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI	7.9	7.6					15.5	0.5	0	16
DDD066	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	21/12/2007	THÔN THƯỢNG PHÚC XÃ PHÚC THỊNH, HÀ NỘI		7.4	7.4				14.8	0.25	0	15.05
DDD067	NGUYỄN PHƯƠNG LOAN	Nữ	30/07/2007	XÃ KIM ANH, HÀ NỘI				9.1		8.2	17.3	0.5	0	17.8
DDD068	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	Nữ	30/04/2004	XÃ XUÂN THƯỢNG, NAM ĐỊNH	8				8.4		16.4	0.5	0	16.9
DDD069	NGUYỄN PHƯƠNG BÍCH HẰNG	Nữ	03/03/1990	THỐNG NHẤT, ĐỒNG NAI	8.3	6.8					15.1	0.5	0	15.6
DDD070	PHẠM THỊ THƯỢNG	Nữ	12/11/2007	XÃ MẬU A, LÀO CAI		8.6	8				16.6	0.5	0	17.1
DDD071	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	30/11/2007	XÃ PHÚC LỘC, HÀ NỘI	8.3	9.2					17.5	0.25	0	17.75
DDD074	LÊ HUYỀN TRANG	Nữ	03/01/2007	ỨNG THIÊN, HÀ NỘI	8	8.8					16.8	0.25	0	17.05
DDD075	PHAN THỊ LINH CHI	Nữ	20/07/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	9.2	8.5					17.7	0	0	17.7
DDD076	CHU THỊ THU HIỀN	Nữ	27/06/2007	XÃ SÓC SƠN, HÀ NỘI	6.7	7.9					14.6	0.5	0	15.1
DDD077	NGUYỄN THÁI HÀ	Nữ	30/12/2007	THỊ TRẤN GIA LỘC, HẢI DƯƠNG		7.4	7.7				15.1	0.5	0	15.6
DDD078	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	19/05/2007	VẠN XUÂN, PHÚ THỌ		8	7.7				15.7	0.5	2	18.2
DDD079	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	Nữ	10/06/2007	THƯỜNG TÍN -HÀ NỘI	8	8.7					16.7	0.25	0	16.95

DDN048	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	29/05/2005	VĂN BÁN, PHÚ THỌ		8	8.1				16.1	0.5	0	16.6
DDN049	NGUYỄN MINH KHUÊ	Nữ	22/08/2007	GIAO LẠC, NAM ĐỊNH		7.7		7.9			15.6	0.5	0	16.1
DDN050	NGUYỄN THỊ LINH CHI	Nữ	22/09/2007	ĐA TỐN, HÀ NỘI			8	8.5			16.5	0.25	0	16.75
DDN051	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	04/11/2007	THANH TRÌ, HÀ NỘI	9.1					8.9	18	0.25	0	18.25
DDN052	LÊ VĂN HOÀNG	Nam	05/10/2007	XÃ NHÂN HÀ, HÀ NAM	7.6				7.4		15	0.25	0	15.25
DDN053	TRẦN VÂN ANH	Nữ	06/02/2007	PHƯỜNG THÀNH CÔNG, HÀ NỘI		9.1	9.1				18.2	0	0	18.2
DDN054	CAO THỊ PHƯƠNG THI	Nữ	13/08/2007	XÃ THUY VÂN, PHÚ THỌ	8.2				9.6		17.8	0.5	0	18.3
DDN055	TRẦN CÔNG MINH	Nam	20/09/2007	QUANG ỐC BẮC LÝ, HÀ NAM		8.5		8.5			17	0.5	0	17.5
DDN056	TẠ THỊ THANH THẢO	Nữ	13/05/2007	HÀM YÊN, TUYÊN QUANG		6.8				6.6	13.4	0.75	0	14.15
DDN057	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	14/08/2007	XÃ IANAN, HUYỆN ĐỨC CỜ, TỈNH GIA LAI	7.2	7					14.2	0.75	0	14.95
III	Ngành Hộ Sinh													
HS050	TRẦN THỊ DUNG	Nữ	12/06/2006	XÃ NINH CƯỜNG, NINH BÌNH	7.9	8.4					16.3	0.5	0	16.8
HS051	CAO THỊ HƯƠNG	Nữ	09/11/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI					9.1	9.4	18.5	0	0	18.5
HS052	NGUYỄN THỊ TUYỀN	Nữ	03/11/2007	PHƯỜNG YÊN NGHĨA, HÀ NỘI	9.4		9.7				19.1	0.25	0	19.35
HS053	NGUYỄN KIM HẰNG	Nữ	23/12/2007	XÃ XUÂN PHONG, NAM ĐỊNH	7.9				8.3		16.2	0.25	0	16.45

HS054	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	15/10/2007	ĐỔ XUÂN HỢP, TÂN MỸ, HÀ NỘI				8.6	9		17.6	0	0	17.6
HS055	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂM	Nữ	24/08/2007	XÃ BÌNH MINH(CAO VIEN CŨ), HÀ NỘI		8.7		8.4			17.1	0.25	0	17.35
HS056	ĐOÀN NGỌC LOAN	Nữ	02/08/2007	XÃ NHÂN NGHĨA, HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM	8				8.9		16.9	0.25	0	17.15
HS057	NGUYỄN KHÁNH HƯƠNG	Nữ	22/11/2007	PHƯỜNG KIẾN HƯNG, HÀ NỘI	8.5	8.8					17.3	0	0	17.3
HS058	ĐÀO BÍCH CHI	Nữ	10/07/2007	XÃ TÂN HỘI, HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	8.7	9.1					17.8	0.25	0	18.05
HS059	PHẠM THU HIỀN	Nữ	09/11/2007	XÃ HOA LỘC, THANH HOÁ				9.2	7.8		17	0.5	0	17.5
HS060	VŨ TRÀ MY	Nữ	05/05/2007	HỮU LÊ HỮU HÒA THANH TRÌ HÀ NỘI, HÀ NỘI		8.4			8.7		17.1	0	0	17.1
HS061	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	22/08/2007	XÃ ĐA PHÚC, HÀ NỘI	7.9			8.7			16.6	0.25	0	16.85
HS062	LÊ THUỖ DƯƠNG	Nữ	30/11/2007	QUẢNG BỊ, HÀ NỘI	8.8	8.6					17.4	0.25	0	17.65
HS063	ĐỖ MINH PHƯƠNG	Nữ	07/11/2007	THPT THANH OAI A- XÃ THANH OAI, HÀ NỘI		8.6				8.5	17.1	0.25	0	17.35
HS064	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nữ	05/09/2007	THANH OAI, HÀ NỘI	8.8	8.5					17.3	0.25	0	17.55
HS065	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	21/12/2007	PHÚC THỊNH, ĐÔNG ANH, HÀ NỘI		7.4	7.4				14.8	0.25	0	15.05
HS066	BÙI TỔ UYÊN	Nữ	07/04/2007	PHÙ ĐỔNG, HÀ NỘI		8.2			8		16.2	0.25	0	16.45
HS067	HOÀNG THẢO PHƯƠNG	Nữ	23/08/2007	XÃ HOẰNG PHÚ , TỈNH THANH HÓA	9.2				9.5		18.7	0.5	0	19.2
HS068	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	08/10/2007	XÃ MINH THỌ TỈNH HƯNG YÊN, HƯNG YÊN	7.1		7.9				15	0.5	0	15.5

HS069	TĂNG THỊ DIỄM MY	Nữ	10/04/2007	XÃ PHÙ ĐỔNG, HÀ NỘI		7.8			7.9		15.7	0.25	0	15.95
HS070	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VÂN	Nữ	01/02/2007	XÃ DIÊN ĐIỀN, HUYỆN DIÊN KHÁNH, KHÁNH HÒA		7.3		7.5			14.8	0.5	0	15.3
HS071	PHẠM KIM ANH	Nữ	03/03/2007	XÃ THANH TRÌ, HÀ NỘI		8.5	8.5				17	0.25	0	17.25
HS072	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	03/02/2007	NGUYỄN TRUNG TRỰC, HÀ NỘI		7.9			8.7		16.6	0	0	16.6
HS073	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	21/10/2007	TỐT ĐỘNG, HÀ NỘI		9.4	9.1				18.5	0.25	0	18.75
IV	Ngành Kỹ thuật Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng													
PHCN148	NGUYỄN THUỖ DƯƠNG	Nữ	11/10/2007	SƠN DƯƠNG, TUYÊN QUANG		7	7				14	0.75	0	14.75
PHCN149	HOÀNG TUẤN CHUNG	Nam	01/01/1993	PHƯƠNG LIỆT, HÀ NỘI		7.8			8.8		16.6	0	0	16.6
PHCN150	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	27/08/2007	HƯNG THÀNH, TUYÊN QUANG	8		8.1				16.1	0.75	0	16.85
PHCN151	NGUYỄN ĐĂNG QUANG HUY	Nam	26/06/2007	BA VÌ, HÀ NỘI	8.4		7.3				15.7	0.25	0	15.95
PHCN152	VŨ ANH HUY	Nam	02/07/2007	HUYỆN ĐÔNG HƯNG, THÁI BÌNH	8.7		9.1				17.8	0.5	0	18.3
PHCN153	LƯU THỊ THÙY DUNG	Nữ	12/02/2007	TRIỆU SƠN, THANH HOÁ	8.2			9			17.2	0.5	0	17.7
PHCN154	LÊ ĐỨC TÀI	Nam	17/10/2007	HÀ CẦU, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI		8.6				9.2	17.8	0	0	17.8
PHCN155	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	19/02/2007	XÃ GIAO AN, NAM ĐỊNH		8	8.7				16.7	0.5	0	17.2
PHCN158	NGUYỄN KIM THOA	Nữ	18/09/2007	ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	8.2				8.6		16.8	0.25	0	17.05

PHCN159	TRẦN KIM NGỌC	Nữ	26/05/2007	PHƯỜNG TÂN PHONG, LAI CHÂU		8.4	7.8				16.2	0.75	0	16.95
PHCN160	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	14/08/2007	XÃ PHƯƠNG TÚ, HUYỆN ỨNG HOÀ, TP HÀ NỘI	9.4	9.4					18.8	0.25	0	19.05
PHCN161	VŨ THỊ THUỶ LINH	Nữ	12/12/2007	XÃ BÌNH MINH, NINH BÌNH	7.4	7.6					15	0.5	0	15.5
PHCN162	LÊ THỊ THU UYÊN	Nữ	05/08/2007	GIAO HOÀ, NINH BÌNH	9					9	18	0.5	0	18.5
PHCN163	ĐÀO HIỀN TRANG	Nữ	04/03/2007	THỊ TRẤN SAO VÀNG, THỌ XUÂN, THANH HÓA	7.1	7.3					14.4	0.75	0	15.15
PHCN164	NGUYỄN TRÀ VY	Nữ	12/05/2007	QUANG TRUNG UÔNG BÍ, QUẢNG NINH					8.5	8.6	17.1	0.25	0	17.35
PHCN165	PHẠM THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	03/01/2005	PHƯỜNG PHÚ ĐÔ , QUẬN NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI		9				8.7	17.7	0.75	0	18.45
PHCN166	BÙI THỊ MINH TUYẾT	Nữ	25/11/2007	XÃ TRUNG HOÀ HUYỆN CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9.4	8.8					18.2	0.25	0	18.45
PHCN167	ĐẶNG MỸ UYÊN	Nữ	07/11/2007	THANH BÌNH-CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.1	8.1					16.2	0.25	0	16.45
PHCN168	TẠ MINH PHƯƠNG	Nữ	10/04/1999	LƯƠNG SƠN, HÒA BÌNH	8.1					8.1	16.2	0.25	0	16.45
PHCN169	NGUYỄN HÀ THU ANH	Nữ	13/12/2007	QUỐC OAI, HÀ NỘI	6.9	7.4					14.3	0.25	0	14.55
PHCN170	NGUYỄN VIỆT QUANG	Nam	25/12/2007	QUẢNG OAI, HÀ NỘI	7.6				7.9		15.5	0.25	0	15.75
PHCN171	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	27/04/2007	XÃ VĂN CẨM HUYỆN HƯNG HÀ, THÁI BÌNH	8.2	8.8					17	0.5	0	17.5
PHCN172	HỒ BẢO LINH	Nữ	25/10/2007	VĨNH TUY, HÀ NỘI	7.9				8.1		16	0	0	16
PHCN173	PHẠM ĐỨC NAM	Nam	13/12/2007	PHƯỜNG HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI	8.3					9.1	17.4	0	0	17.4

[illegible]

SD209	GIÁP THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	06/12/2007	NGỌC LÝ, BẮC GIANG	7.3	8.2					15.5	0.75	0	16.25
SD210	NGUYỄN TUYẾT NHI	Nữ	15/08/2007	CHUYÊN MỸ, HÀ NỘI	8.7	8					16.7	0.25	0	16.95
SD211	VŨ THỊ THUỶ	Nữ	23/09/2007	XÃ GIA BÌNH, BẮC NINH		6.5		6.7			13.2	0.5	0	13.7
SD212	PHẠM THỊ THU THẢO	Nữ	17/09/2006	PHƯỜNG MÓNG CÁI 2, QUẢNG NINH	6.2	7.4					13.6	0.25	0	13.85
SD213	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	17/07/2007	XÃ NAM CHÍNH HUYỆN TIỀN HẢI, THÁI BÌNH		7.3		8.3			15.6	0.5	0	16.1
SD214	NGUYỄN THỊ LƯƠNG NGUYỄN	Nữ	18/02/2007	THÔN TRUNG XÃ BÌNH MINH HÀ NỘI, HÀ NỘI	8.1					8.8	16.9	0.25	0	17.15
SD215	BÙI THẾ HUY	Nam	08/07/2007	XÃ HƯNG CÔNG, HÀ NAM		8.5		8.5			17	0.5	0	17.5
SD216	LÊ THỊ LOAN	Nữ	24/10/2007	TÂN PHÚ, QUỐC OAI, HÀ NỘI	8.9					8.6	17.5	0.25	0	17.75
SD217	LÊ HẢI LINH	Nữ	03/02/2007	XÃ QUẤT ĐỘNG, HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		8	8.1				16.1	0.75	0	16.85
SD218	TRẦN KIM NGỌC	Nữ	26/05/2025	PHƯỜNG TÂN PHONG, LAI CHÂU	7.6	8.4					16	0.75	0	16.75
SD219	ĐỖ THU TRANH	Nữ	10/11/2007	NAM BÌNH, NINH BÌNH		8			7.9		15.9	0.25	0	16.15
SD220	NGHIÊM THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	10/10/2005	TÂY MỠ, HÀ NỘI		8.9	9				17.9	0.75	0	18.65
SD222	ĐOÀN THỊ VÂN ANH	Nữ	30/04/2007	PHÚC LỘC, HÀ NỘI		8.1				9	17.1	0.25	0	17.35
SD223	TRƯƠNG THẢO VÂN	Nữ	18/08/2007	XÃ KHÁNH HÀ HUYỆN THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		8.6		8.9			17.5	0	0	17.5
SD224	LÂM THUỶ LINH	Nữ	15/01/2007	XÃ NAM TIẾN, HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI		7.9	8				15.9	0.25	0	16.15

SD225	LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	29/10/2007	XÃ THANH OAI ,THÀNH PHỐ HÀ NỘI, HÀ NỘI	8	8.4					16.4	0.25	0	16.65
SD226	TRẦN THÙY LINH	Nữ	01/04/2007	HỒNG THUẬN GIAO THỦY - NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH		8.7		8.1			16.8	0.75	0	17.55
SD227	LÊ THUỖ DƯƠNG	Nữ	30/11/2007	XÃ QUẢNG BỊ, HÀ NỘI	8.8	8.6					17.4	0.25	0	17.65
SD228	HOÀNG THỊ QUỲNH CHI	Nữ	27/12/2007	XÃ PHÚC THỌ, HÀ NỘI		7.4				8.2	15.6	0.25	0	15.85
SD229	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	28/11/2007	XÃ XUÂN SƠN, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0.75	0	17.65
SD230	NGÔ NGUYỆT ÁNH	Nữ	22/04/2007	TÂY TIẾN, THÁI BÌNH	8.2					8.6	16.8	0.5	0	17.3
SD231	LÝ BÌNH NHI	Nữ	03/10/2007	XÃ XUÂN QUANG, HUYỆN BẢO THẮNG, LÀO CAI		7.1	7.2				14.3	0.75	0	15.05
SD232	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	13/10/2007	PHƯỜNG SONG LIỄU, BẮC NINH	7.6	7.6					15.2	0.5	0	15.7
SD233	PHÙNG THỊ HƯỜNG	Nữ	25/10/2007	XÃ ĐOÀI PHƯƠNG, HÀ NỘI	7.6	6.3					13.9	0.75	0	14.65
SD234	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	20/09/2007	BẮC ĐÔNG HƯNG, HƯNG YÊN	8.4	8.2					16.6	0.5	0	17.1
SD235	VŨ NGỌC ANH	Nữ	29/12/2006	XÃ NAM HỒNG, HẢI DƯƠNG					8.4	8.6	17	0.5	0	17.5
SD237	ĐÀO THỊ HẬU	Nữ	08/08/2007	CAO VIÊN, THANH OAI, HÀ NỘI				8.9	8.5		17.4	0.25	0	17.65
SD238	LÊ KHÁNH LY	Nữ	17/11/2007	XÃ HỒNG VÂN, HÀ NỘI			8.3	8.7			17	0.25	0	17.25
SD239	VI THỊ THU GIANG	Nữ	23/01/2007	XÃ KIM SƠN, HUYỆN BẢO YÊN, LÀO CAI		6.9	7				13.9	0.75	0	14.65
SD240	TRẦN HẢI YẾN	Nữ	19/02/2007	NAM CHÍNH, THÁI BÌNH				8.8	8		16.8	0.5	0	17.3

SD241	HÀ PHƯƠNG THAO	Nữ	08/10/2006	QUYẾT TIẾN - PHƯỜNG CHƯƠNG MỸ - HÀ NỘI, HÀ NỘI	8.4	8.2					16.6	0.5	0	17.1
SD242	BÙI YẾN NHI	Nữ	19/02/2007	VĨNH HƯNG, HÀ NỘI		7.5			8.5		16	0	0	16
SD243	HOÀNG THỊ THU THẢO	Nữ	16/03/2007	ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI		8.1				8.8	16.9	0.25	0	17.15
SD244	ĐẶNG TƯỜNG VI	Nữ	22/09/2007	HÙNG XUYỀN, ĐOAN HÙNG, PHÚ THỌ		7.7	6.8				14.5	0.75	0	15.25
SD246	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	05/07/2007	PHƯỜNG BẾN GÓT, PHÚ THỌ	7.3	6.9					14.2	0.25	0	14.45
SD247	NGÔ TRANG NHUNG	Nữ	07/02/2007	XÃ ĐÔNG ANH, HÀ NỘI	8.9				9.1		18	0.25	0	18.25
SD248	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	08/05/2007	THANH SƠN, PHÚ THỌ	6	7.5					13.5	0.75	0	14.25
SD249	HOANG PHUONG NHUNG	Nữ	29/05/2007	XÃ HONG SƠN, HÀ NỘI	8		8				16	0.25	0	16.25
SD250	NGUYỄN THỊ XUÂN THU	Nữ	15/11/2006	XÃ PHÙNG NGUYỄN - LÂM THAO, PHÚ THỌ		7.1				7.5	14.6	0.5	0	15.1
SD251	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	08/04/2007	TÂN HOÀ, HÀ NỘI		7.5	8.2				15.7	0.25	0	15.95
SD253	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LY	Nữ	18/05/2006	XÃ HOÀ TIẾN, THÁI BÌNH			8.2			8.7	16.9	0.5	0	17.4
SD254	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	19/09/2006	XÃ HOÀ LẠC, HÀ NỘI	7.9			8.6			16.5	0	0	16.5
SD255	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	04/01/2006	TIỀN HẢI, THÁI BÌNH				8.3		8.4	16.7	0.5	0	17.2
SD256	NGUYỄN NGỌC ANH	Nữ	28/02/2007	XUÂN HỒNG, NAM ĐỊNH	6.9	8.6					15.5	0.5	0	16
SD257	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG ANH	Nữ	21/07/2007	CỬA ÔNG, QUẢNG NINH				8.6	8.9		17.5	0.25	0	17.75

VI	Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học													
XN134	TRẦN QUỲNH ANH	Nữ	28/09/2007	PHƯỜNG ĐỒNG TIẾN, HÒA BÌNH				8.6	9.1		17.7	0.75	0	18.45
XN135	TRẦN THẾ ANH	Nam	03/09/2002	THỌ XUÂN, ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI			7.9	7.4			15.3	0.25	0	15.55
XN136	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	02/07/2007	NAM SÁCH, HẢI DƯƠNG		7.3	7.9				15.2	0.5	0	15.7
XN137	NGUYỄN VĂN SỸ	Nam	12/07/2007	HOÀNG THANH, HOÀNG HOÁ, THANH HOÁ			8.1	8			16.1	0.5	0	16.6
XN138	PHAN BÁ HIỆP	Nam	03/12/2005	YÊN THÀNH, NGHỆ AN					9.9	9.4	19.3	0.5	0	19.8
XN139	NGUYỄN TIẾN BÌNH	Nam	05/08/2007	XÃ VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.2	8.6					16.8	0.25	0	17.05
XN140	NGÔ THỊ THU GIANG	Nữ	06/10/2007	BÌNH ĐỊNH, BẮC NINH				9.7	9.7		19.4	0.5	0	19.9
XN141	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	09/11/2006	SONG PHƯƠNG, HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI					9.2	9	18.2	0.5	0	18.7
XN142	NGUYỄN MAI CHI	Nữ	23/06/2007	PHƯỜNG CAM ĐƯỜNG , THÀNH PHỐ LÀO CAI	7.9					8.6	16.5	0.75	0	17.25
XN143	LƯƠNG ĐỖ HẠNH NGUYỄN	Nữ	21/02/2007	DUYÊN THÁI , THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI	8.3	8.5					16.8	0.25	0	17.05
XN144	NGUYỄN TRÀ VY	Nữ	12/05/2007	QUANG TRUNG, UÔNG BÍ, QUẢNG NINH					8.5	8.6	17.1	0.25	0	17.35
XN145	HOÀNG KIỀU YẾN	Nữ	25/10/2007	XÃ BẢO THẮNG, LÀO CAI, LÀO CAI				8	8		16	0.75	0	16.75
XN146	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	Nam	25/07/2007	VIỆT VINH, HÀ GIANG	7	6.7					13.7	0.75	0	14.45
XN147	TRẦN NGỌC HẢI	Nam	14/03/2007	XÃ HẢI PHÚ, NAM ĐỊNH				8.5		8.4	16.9	0.5	0	17.4

XN148	ĐIỀU VIỆT HOÀNG	Nam	28/12/2007	TÂN PHONG, LAI CHÂU	6.9	7.1					14	0.75	0	14.75
XN149	ĐẶNG THỊ UYÊN NHI	Nữ	27/08/2007	PHƯỜNG THANH LIỆT, HÀ NỘI	8.4	8					16.4	0	0	16.4
XN150	PHẠM THỊ KHÁNH LINH	Nữ	17/11/2025	XÃ DIỄN THÁP, HUYỆN DIỄN CHÂU ,TỈNH NGHỆ AN	8.1			8.3			16.4	0	0	16.4
XN151	CHU NGỌC ÁNH	Nữ	03/11/2007	YÊN THUỶ, HÒA BÌNH	7.8				8.1		15.9	0.75	0	16.65
XN152	TRẦN TUẤN ANH	Nam	14/09/2007	ĐỒNG TÂM-VĨNH YÊN, VĨNH PHÚC					8.6	8.1	16.7	0.25	0	16.95
XN153	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	15/09/2007	ĐẠI TRẠCH- ĐÌNH TỔ, BẮC NINH	8.3		8.3				16.6	0.25	0	16.85
XN154	ĐÀO KHẮC ĐAN HOÀNG	Nam	09/10/2007	YÊN TRỊ, PHÚ THỌ			8		8.1		16.1	0.75	0	16.85
XN155	HÀ KHÁNH LY	Nữ	23/06/2007	CẨM BÌNH, CẨM PHẢ, QUẢNG NINH	7.7	8.1					15.8	0.5	0	16.3
XN156	BẠCH MINH THUÝ	Nữ	23/06/2007	VÂN ĐÌNH, HÀ NỘI	8.4				8.9		17.3	0.25	0	17.55
XN157	NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG	Nam	11/12/2007	PHƯỜNG BẮC SƠN, QUẢNG NINH					9.4	9.8	19.2	0.25	0	19.45
XN158	LÊ PHÚ TIẾN	Nam	20/11/2007	YÊN LẠC , XÃ HOÀ PHÚ , HÀ NỘI	8.2	8.5					16.7	0.25	0	16.95
XN159	HOÀNG THẢO PHƯƠNG	Nữ	23/08/2007	XÃ HOẰNG SƠN, THANH HOÁ	9.2				9.5		18.7	0.5	0	19.2
XN160	TRẦN MAI ANH	Nữ	26/07/2007	THẠCH QUẢNG, THANH HOÁ			8.1	8.1			16.2	0.75	0	16.95
XN161	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG LINH	Nữ	21/11/2007	PHƯỜNG TÂN AN , THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI		7.9		8			15.9	0.75	0	16.65
XN162	VĂN THỊ THUỶ TRANG	Nữ	07/10/2007	LIÊN CHÂU, PHÚ THỌ	7.7	7.8					15.5	0.25	0	15.75

XN163	NGUYỄN THUỖ TRANG	Nữ	22/09/2005	PHƯỜNG ĐÔNG QUANG, THANH HOÁ				8.3	8.2		16.5	0.5	0	17
XN164	HOÀNG KHÁNH CHI	Nữ	13/02/2007	THỊ TRẤN YÊN BÌNH, HUYỆN YÊN BÌNH, YÊN BÁI				8.6	7.8		16.4	0.5	0	16.9
XN165	ĐINH NGỌC ÁNH	Nữ	01/08/2007	HUYỆN VĂN YÊN, YÊN BÁI				8.3		8.3	16.6	0.75	0	17.35
XN166	NGÔ THỊ VÂN	Nữ	23/11/2007	NỘI BÀI, HÀ NỘI	8.9				8.3		17.2	0.5	0	17.7
XN167	KIỀU XUÂN KIÊN	Nam	13/02/2007	XÃ HOÀ PHÚ, HÀ NỘI	9.7			9			18.7	0.25	0	18.95
XN168	NGUYỄN MINH HẢI	Nam	11/06/2007	PHƯỜNG KỲ SƠN-THÀNH PHỐ HÒA BÌNH	8.1			8.5			16.6	0.75	0	17.35
XN169	TRƯƠNG MINH ÁNH	Nữ	11/05/2007	THỊ TRẤN PHỐ LU, HUYỆN BẢO THẮNG, LÀO CAI		8.1				8.8	16.9	0.75	0	17.65
XN170	NGUYỄN THỊ KHÁNH DIỆP	Nữ	02/10/2007	MINH KHAI, HÀ GIANG	7.1			6.9			14	0.25	0	14.25
VII	Ngành Y học cổ truyền													
YHCT112	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	30/01/1983	TP.NAM ĐỊNH, NAM ĐỊNH		7.8				7.3	15.1	0.25	0	15.35
YHCT113	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/10/2007	PHƯỜNG XUÂN PHƯƠNG, HÀ NỘI		7.7		8.8			16.5	0.25	0	16.75
YHCT115	ĐÀO BÁ TUẤN ANH	Nam	20/01/2007	PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH, HẢI PHÒNG		7.4	8.3				15.7	0	0	15.7
YHCT116	NGUYỄN PHẠM THANH PHƯƠNG	Nữ	13/07/2007	HÀ TU, QUẢNG NINH	9.7			9.3			19	0.25	0	19.25
YHCT117	NGUYỄN MINH DIỆP	Nữ	07/10/2007	XÃ GIA LẬP, NINH BÌNH	7.8	7.4					15.2	0.5	0	15.7
YHCT118	BÙI QUANG VIỆT	Nam	12/03/2007	BÌNH MINH, HÀ NỘI				8.6		8.1	16.7	0.25	0	16.95

YHCT119	PHAN QUANG BÍCH	Nam	01/11/2007	THÔN ĐỒNG THÁI XÃ NINH CƯỜNG, NAM ĐỊNH	8.1	8.1					16.2	0.5	0	16.7
YHCT120	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	Nữ	04/12/2007	TRẦN LÃM, THÁI BÌNH				8.7		8.7	17.4	0.25	0	17.65
YHCT121	VŨ NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	29/01/2007	PHƯỜNG LƯU KIẾM, HẢI PHÒNG				8.3	8.6		16.9	0.5	0	17.4
YHCT122	LÒ MAI LÊ	Nữ	10/06/2007	CHIỀNG SẠI, BÁC YÊN, SƠN LA	5	7.4					12.4	0.75	0	13.15
YHCT124	NGUYỄN HOÀNG HẬU	Nữ	30/05/1992	DƯƠNG NỘI, HÀ NỘI	8.5				5.7		14.2	0.5	0	14.7
YHCT125	CAO TIẾN ĐẠT	Nam	14/05/2007	DIỄN CHÂU, NGHỆ AN	7.7					7.7	15.4	0.5	0	15.9
YHCT126	NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	Nữ	28/11/2007	XÃ BÁT TRÀNG, HÀ NỘI	8.8				8.8		17.6	0.75	0	18.35
YHCT127	NGUYỄN MẠNH TÚ	Nam	23/06/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.6			9			17.6	0.5	0	18.1
VIII	Ngành Y sỹ đa khoa													
YS385	ĐÌNH CÔNG NHẬT	Nam	18/11/2007	MỘC SƠN, SƠN LA			7.8			7.7	15.5	0.75	0	16.25
YS386	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	14/05/2007	PHIÊNG KHOÀI, YÊN CHÂU, SƠN LA		7		6.5			13.5	0.5	0	14
YS387	SA THU HẰNG	Nữ	31/07/2007	TÔ MÚA, SƠN LA	5.9			7.2			13.1	0.75	0	13.85
YS388	BÙI TIẾN ĐẠT	Nam	19/02/2007	HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI					9.6	9.6	19.2	0	0	19.2
YS389	TRỊNH KHÁNH HUYỀN	Nữ	09/06/1997	HỮU VĂN, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI				8.6	7.9		16.5	0.25	0	16.75
YS390	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	01/02/2007	ĐÔNG HIẾU, THỊ XÃ THÁI HOÀ, NGHỆ AN		7			8.4		15.4	0.25	0	15.65

YS391	NGUYỄN NGỌC CHÂM	Nữ	12/08/2007	CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	8.9			8.1			17	0.25	0	17.25
YS392	NGUYỄN LÊ HẬU	Nam	22/05/2007	DIỄN LÂM, DIỄN CHÂU, NGHỆ AN			8.1			7.1	15.2	0.75	0	15.95
YS393	NGUYỄN HUY MẠNH	Nam	29/03/2007	TÂN SƠN, QUỲNH LƯU, NGHỆ AN		8.8	8.5				17.3	0.75	0	18.05
YS394	HOÀNG NGÔ XUÂN ANH	Nam	14/05/2007	QUỲNH KHÊ, QUỲNH PHỤ, THÁI BÌNH				8.6	8.4		17	0.5	0	17.5
YS396	LƯU TẤT ĐẠT	Nam	15/02/2007	NGHĨA HỒNG, NGHĨA HƯNG, NAM ĐỊNH	7.4		8.1				15.5	0.5	0	16
YS398	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	19/10/2007	XÃ THỊNH SƠN, HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN	8.6	8.7					17.3	0.5	0	17.8
YS399	VƯƠNG THỊ THU THỦY	Nữ	17/01/2007	XÃ TIÊN KIỀU, HÀ GIANG				7.1	7.4		14.5	0.75	0	15.25
YS400	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	10/11/2007	XÃ ĐÔ LƯƠNG, NGHỆ AN	9	8.9					17.9	0.5	0	18.4
YS401	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	19/02/2007	XÃ HỒNG THUẬN, HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH		8	8.7				16.7	0.5	0	17.2
YS402	VŨ THỊ THUỶ	Nữ	23/09/2007	XÃ GIA BÌNH, BẮC NINH		6.5		6.7			13.2	0.5	0	13.7
YS403	TRẦN CHƯƠNG	Nam	01/01/2007	PHƯỜNG KIẾN HƯNG, HÀ NỘI	9.4	8.2					17.6	0.75	0	18.35
YS408	LÒ THỊ NHI	Nữ	20/10/2007	XÃ YÊN CHÂU, SƠN LA		8.1				8	16.1	0.75	0	16.85
YS409	NGUYỄN ĐỨC LÂM	Nam	16/12/2007	PHƯỜNG YÊN BÁI, LÀO CAI				7.6		7.4	15	0.25	0	15.25
YS410	NGUYỄN VĂN NHU CƯƠNG	Nam	01/08/2007	XÃ Ô DIỄN, HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, HÀ NỘI	9				8.6		17.6	0.25	0	17.85
YS411	TRẦN THUỶ TRANG	Nữ	21/05/2007	XÃ PHONG VÂN, HÀ NỘI	8.7		8.9				17.6	0.5	0	18.1

YS413	NGUYỄN THỊ BẢO CHI	Nữ	24/08/2007	HÒA THẠCH, HÀ NỘI		8.3	8.7				17	0.25	0	17.25
YS414	KHỔNG VŨ HUY	Nam	24/12/2007	XÃ LƯƠNG THỊNH, HUYỆN TRẦN YÊN, YÊN BÁI	8.5				8.4		16.9	0.5	0	17.4
YS415	NGUYỄN PHẠM THANH PHƯƠNG	Nữ	13/07/2007	HÀ TU, QUẢNG NINH	9.7			9			18.7	0.25	0	18.95
YS416	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	17/08/2007	HUYỆN MỸ ĐỨC, HÀ NỘI		8.9	9				17.9	0.25	0	18.15
YS417	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	20/10/2006	XÃ ỨNG HÒA, HÀ NỘI		8.6		8.9			17.5	0.5	0	18
YS418	KIỀU ĐỨC NGUYỄN	Nam	05/12/2007	XÃ KIỀU PHÚ (XÃ LIỆP TUYẾT CŨ), HÀ NỘI	7.6	8					15.6	0.75	0	16.35
YS419	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	05/01/2007	XÃ BÌNH MINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, HÀ NỘI				8.7		8.9	17.6	0.25	0	17.85
YS420	NGUYỄN THANH VÂN	Nữ	30/06/2007	LẠC PHƯƠNG, HẢI PHÒNG		8				8.6	16.6	0.5	0	17.1
YS422	VŨ NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	06/09/2007	XÃ XUÂN QUANG, LÀO CAI		7		7.2			14.2	0.75	0	14.95
YS423	PHẠM NGỌC MẠNH	Nam	05/03/2007	THANH THUỶ, PHÚ THỌ	8	7.3					15.3	0.5	0	15.8
YS424	PHÍ NGUYỄN ĐỨC MINH	Nam	01/09/2007	TDP GIAO QUANG, PHƯỜNG TÂY MỖ, HÀ NỘI	9				9.6		18.6	0	0	18.6
YS425	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	27/10/2007	XÃ ĐỒNG VĂN, HÀ GIANG	8.5				8		16.5	0.75	0	17.25
YS426	ĐINH THỊ VÂN	Nữ	25/12/2007	MỸ LƯƠNG, CHƯƠNG MỸ, HÀ NỘI	9.4				8.6		18	0.5	0	18.5
YS427	ĐOÀN PHÚ HIẾU	Nam	04/12/2007	XÃ TÂN QUANG, HẢI DƯƠNG	8.2				9.1		17.3	0.5	0	17.8
YS428	NGÔ THỊ HẢI YẾN	Nữ	05/07/2007	XÃ TRẦN PHÚ, HÀ NỘI	8.5	8.4					16.9	0.5	0	17.4

YS429	TRẦN HỒNG LIỄU	Nữ	29/04/2007	THÔN HẠNH BỒ , XÃ XUÂN MAI, HÀ NỘI	9.3			9.3			18.6	0.25	0	18.85
YS430	NGUYỄN NHƯ' QUỲNH	Nữ	21/06/2007	XÃ XUÂN MAI, HÀ NỘI	8.7	8.6					17.3	0.25	0	17.55
YS431	ĐẶNG TRÀ MY	Nữ	15/12/2006	PHÚ LƯƠNG, HÀ NỘI	9.1					9.3	18.4	0	0	18.4
YS432	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	04/12/2007	LĨNH NAM, HÀ NỘI		8.2		8.3			16.5	0	0	16.5
YS433	PHẠM HOÀNG YẾN VY	Nữ	11/01/2007	VÂN TẢO, HÀ NỘI	9.4				8.8		18.2	0.25	0	18.45
YS435	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA	Nữ	19/03/2007	XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG		8.1			8.3		16.4	0.5	0	16.9
YS436	NGUYỄN PHÚ DŨNG	Nam	05/12/2007	HỮU LŨNG, LẠNG SƠN	8.1	5.3					13.4	0.75	0	14.15
YS437	PHẠM HOÀNG KỲ	Nam	14/11/2007	XÃ ĐỒNG HƯỚNG, HUYỆN KIM SƠN, TỈNH NINH BÌNH		7.2			6.3		13.5	0.5	0	14
YS438	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	16/04/2005	PHƯỜNG VÕ CƯỜNG-BẮC NINH, BẮC NINH				7.9	8.5		16.4	0.25	0	16.65
YS439	ĐẶNG ANH THƯ	Nữ	06/06/2007	AN NGHĨA, PHÚ THỌ	8.2	8.3					16.5	0.75	0	17.25
YS440	ĐẶNG TUẤN ANH	Nam	20/05/2006	KHAI THÁI, PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI					8.2	8.9	17.1	0.5	0	17.6
YS441	TRẦN LAN ANH	Nữ	18/08/2007	LỤC YÊN, YÊN BÁI		8.5	9				17.5	0.75	0	18.25
YS442	TRỊNH THỊ NGỌC ANH	Nữ	03/06/2007	XÃ YÊN ĐỒNG, NAM ĐỊNH		8.7			8.6		17.3	0.5	0	17.8
YS443	TRỊNH THỊ QUỲNH ANH	Nữ	02/11/2007	XUÂN MAI, HÀ NỘI	7.9	8					15.9	0.25	0	16.15
YS444	TRẦN THÙY LINH	Nữ	01/04/2007	HỒNG THUẬN - GIAO THỦY - NAM ĐỊNH				8.1	7.9		16	0.75	0	16.75

YS445	HOÀNG THỊ NHUNG	Nữ	13/05/2007	TỔNG SƠN, THANH HOÁ	8.2		8.2				16.4	0.75	0	17.15
YS446	NGÔ THUỶ QUỲNH	Nữ	13/08/2002	TRUNG KIÊN, VĨNH PHÚC		7.6		7.1			14.7	0.5	0	15.2
YS447	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	19/11/2007	TRUNG CHÍNH, BẮC NINH	9.7				9.1		18.8	0.5	0	19.3
YS448	TRẦN TUẤN ANH	Nam	14/09/2007	ĐỒNG TÂM, VĨNH PHÚC					8.6	8.1	16.7	0.25	0	16.95
YS449	TRỊNH THỊ LẬP	Nữ	13/06/1998	XÃ YÊN MÔ, NINH BÌNH	9.1					9.1	18.2	0.5	0	18.7
YS450	NGUYỄN HẢI NAM	Nam	12/06/2007	XÃ MINH ĐỨC- HUYỆN ỨNG HOÀ	7.5	8.1					15.6	0.25	0	15.85
YS451	ĐẶNG THUỶ DUNG	Nữ	30/12/2006	THƯỜNG TÍN, HÀ NỘI		8.7	8.5				17.2	0.25	0	17.45
YS452	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	02/07/2007	XUÂN LÂM, BẮC NINH	8.2		8.6				16.8	0.25	0	17.05
YS453	ĐỖ MINH TÙNG	Nam	27/12/2007	PHÚ NGHĨA, HÀ NỘI	8.4			8.5			16.9	0.25	0	17.15
YS454	NGUYỄN LỆ THU	Nữ	02/01/2007	XÃ HỒNG DƯƠNG, HÀ NỘI	8.1					9	17.1	0.25	0	17.35
YS455	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	Nữ	12/09/2002	XUÂN LỘC, ĐẮK LẮK		8.6		7.8			16.4	0.25	0	16.65
YS456	VŨ HOÀNG TÙNG	Nam	15/12/2007	GIAO THUỶ, NAM ĐỊNH					8.4	8.1	16.5	0.5	0	17
YS457	ĐÌNH NGỌC LINH	Nam	28/12/2006	HƯNG LỘC, THANH HOÁ				8.4	9		17.4	0.5	0	17.9
YS458	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	12/08/2007	HOA QUÂN, NGHỆ AN		8.7	8.6				17.3	0.5	0	17.8
YS459	NGUYỄN HỮU HẢI QUÂN	Nam	04/09/2007	TÂY HIẾU, NGHỆ AN	6.5	6.2					12.7	0.25	0	12.95

YS460	ĐỖ THỊ HỒNG	Nữ	31/12/2006	THỊ TRẤN TRẠM TRÔI, HOÀI ĐỨC HÀ NỘI, HÀ NỘI		8.7			8.6		17.3	0.5	0	17.8
YS461	BÙI THỊ HẰNG	Nữ	28/08/2007	XÃ THƯỢNG SƠN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG TỈNH NGHỆ AN	8.1	8.3					16.4	0.5	0	16.9
YS462	ĐỖ XUÂN MINH	Nam	23/02/2007	XÃ HOẰNG SƠN, THANH HOÁ	8.6			8.7			17.3	0.5	0	17.8
YS463	TÔ MINH HẰNG	Nữ	13/10/2007	CỔ ĐÔ, HÀ NỘI	9.3					9.7	19	0.25	0	19.25
YS464	NGUYỄN ĐỨC HẢI	Nam	18/08/2007	BẮC GIANG, BẮC NINH	9.1	8.4					17.5	0.25	0	17.75
YS465	MAI HÀ QUYÊN	Nữ	08/08/2007	YÊN ĐỊNH, THANH HOÁ	9.2		9.3				18.5	0.5	0	19
YS466	NGUYỄN DUY LÂM	Nam	10/08/2006	HỢP MINH, NGHỆ AN	9.2	5.9					15.1	0.5	0	15.6
YS467	NGUYỄN MAI HÀ	Nữ	22/04/2007	ỨNG HOÀ, HÀ NỘI	8.9	8.1					17	0.25	0	17.25
YS468	NGÔ VĂN ĐỨC	Nam	01/08/2006	HỢP MINH, NGHỆ AN	6.8	6.9					13.7	0.5	0	14.2
YS469	NGUYỄN VĂN KIÊN	Nam	09/10/2007	GIA LỘC, HẢI PHÒNG	7.8	7.3					15.1	0.5	0	15.6
YS471	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	10/08/2004	GIA PHÚC, HẢI PHÒNG	7.9	7.8					15.7	0.5	0	16.2
YS472	NGUYỄN TRÍ NGHĨA	Nam	21/07/2007	YÊN LÃNG, HÀ NỘI				8.2		8.3	16.5	0.25	0	16.75
YS473	ĐỖ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/03/2007	TÔ HIỆU, SƠN LA				7.8		7	14.8	0.75	0	15.55
YS474	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	17/10/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	9.1					8.8	17.9	0.25	0	18.15
YS475	LÊ ĐẶNG TƯỜNG VI	Nữ	11/02/2007	CỔ ĐÔ, HÀ NỘI	8.4		8.6				17	0	0	17
YS476	NGUYỄN MẠNH TÚ	Nam	23/06/2007	MỸ ĐỨC, HÀ NỘI	8.6			9			17.6	0.5	0	18.1

YS477	HOÀ THỊ MINH THƯ	Nữ	10/11/2007	XÃ HẢI LỘC HUYỆN HẢI HẬU, NAM ĐỊNH	6.9	8.2					15.1	0.5	0	15.6
YS478	PHÙNG BÍCH KIỀU ANH	Nữ	03/08/2007	THỊ TRẤN TÂY ĐĂNG, HUYỆN BA VÌ, TP HÀ NỘI	7.9	7.5					15.4	0.25	0	15.65